

Số: 819.01/2024/CV-OCB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
(HOSE)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE)

Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG**

Mã chứng khoán: **OCB**

Trụ sở chính: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 220 960

Fax: (028) 38 220 963

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trương Đình Long

Địa chỉ: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 220 960

Fax: (028) 38 220 963

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Phương Đông công bố Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của OCB tại đường dẫn: <https://ocb.com.vn/vi/nha-dau-tu#dai-hoi-dong-co-dong> kể từ ngày 15/04/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu: VP.HĐQT

Đính kèm

- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024

- Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024



TRƯƠNG ĐÌNH LONG

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 15/04/2024
NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) và các qui định của pháp luật hiện hành.
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên ngày 15/04/2024 của OCB.

QUYẾT NGHỊ

- I. Thông qua toàn văn báo cáo của Hội đồng quản trị số 01/2024/BC-HĐQT/ĐH. Theo đó, định hướng về chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2024 như sau:

ĐVT: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh KH 2024 & TH 2023	
				+/-	%
1	Tổng tài sản	240.114	286.562	46.448	19%
2	Tổng huy động TT1	168.112	197.346	29.234	17%
3	Tổng dư nợ TT1 ¹	148.005	177.592	29.586	20%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,02%	< 3,00%		
5	Lợi nhuận trước thuế	4.139	6.885	2.746	66%

- II. Thông qua Báo cáo hoạt động số 02/2024/BC-BKS của Ban Kiểm soát.
- III. Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2023 tại Tờ trình số 03/2024/TT-HĐQT/ĐH, chi tiết như sau:

ĐVT: đồng

¹ Chỉ tiêu Tổng dư nợ TT1 sẽ được điều chỉnh theo hạn mức tăng trưởng tín dụng NHNN phê duyệt.

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
A1	Lợi nhuận trước thuế	4.139.476.155.259
A2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	4.178.887.364.571
B	Thuế thu nhập doanh nghiệp	836.173.454.643
C	Lợi nhuận sau thuế	3.303.302.700.616
D	Trích lập các quỹ theo quy định	495.352.469.542
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	165.117.489.847
2	Quỹ dự phòng tài chính	330.234.979.695
E	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định	2.807.950.231.074
1	Trích lập quỹ phúc lợi	24.040.632.157
2	Trích lập quỹ khen thưởng	14.040.632.157
F	Lợi nhuận còn lại năm 2023 của cổ đông	2.769.868.966.760
G	Lợi nhuận còn lại của các năm trước 2023	2.537.481.787.954
H	Tổng lợi nhuận còn lại	5.307.350.754.714
	Phương án phân phối lợi nhuận	
1	Vốn điều lệ hiện tại	20.548.242.940.000
2	Vốn điều lệ nhận cổ tức	20.548.242.940.000
3	Cổ tức (Tỷ lệ 20%)	4.109.648.580.000
3.1	Cổ tức bằng tiền mặt	-
3.2	Cổ tức bằng cổ phiếu	4.109.648.580.000
4	Lợi nhuận chưa phân phối	1.197.702.174.714



IV. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 như được trình bày tại Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT, tóm lược như sau:

- Mức vốn điều lệ tăng thêm trong năm 2024: 4.168.472.110.000 đồng

ĐVT: đồng

Vốn điều lệ hiện tại	20.548.242.940.000
Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2024:	4.168.472.110.000
Trong đó:	
(1) Tăng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	4.109.648.580.000
(2) Tăng do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	50.000.000.000
(3) Tăng do phát hành cổ phiếu riêng lẻ	8.823.530.000
Vốn điều lệ sau khi tăng	24.716.715.050.000

- Ủy quyền cho HĐQT: Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT/ĐH.
- ĐHCĐ thông qua các nội dung sau:
 - Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ 2024 của OCB với các nội dung theo Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT/ĐH và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - + Lập phương án phát hành chi tiết và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đảm bảo lợi ích cổ đông và Ngân hàng;
 - + Quyết định thực hiện việc tăng vốn tổng thể hoặc từng phần của phương án trên, quyết định thứ tự phát hành. OCB có thể thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức trước, thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành riêng lẻ sau; hoặc thực hiện cùng lúc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành riêng lẻ; hoặc không thực hiện một hoặc hai trong ba phương thức phương án phát hành (phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu ESOP, phát hành riêng lẻ) nhằm tuân thủ quy định pháp luật và tình hình thực tế của OCB.
 - + Quyết định bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh toàn bộ các vấn đề, nội dung của Phương án tăng vốn điều lệ (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ; thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối/phát hành hết phát sinh trong quá trình triển khai Phương án tăng vốn điều lệ.

- + Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng cụ thể sẽ phát hành, tỷ lệ phát hành, đảm bảo mức tối đa không vượt quá tổng số cổ phần phát hành thêm theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - + Lựa chọn thời điểm thích hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu mới niêm yết theo quy định pháp luật;
 - + Quyết định đối tượng bán, số lượng, giá bán, thời điểm bán cổ phần một cách có lợi nhất cho OCB và theo đúng quy định của Nhà nước;
 - + Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; ban hành quy chế ESOP để thực hiện phương án tăng vốn, quy định việc mua lại cổ phiếu của cán bộ nghỉ việc; thông qua đối tượng được chào bán riêng lẻ là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng nhà đầu tư; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - + Thông qua kết quả phát hành, thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - + Đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - + Cho phép Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc nêu trên.
 - Thông qua nội dung sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu nêu tại Điều lệ OCB theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất Phương án tăng vốn điều lệ và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ sửa đổi, cập nhật việc tăng vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế vào Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật.
- V. Thông qua tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và chi phí khác năm 2024 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại Tờ trình số 05/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT.
- VI. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập của OCB tại Tờ trình số 06/2024/TTr-BKS/ĐH của BKS.
- VII. Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ OCB tại Tờ trình số 07/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT.
- VIII. Thông qua việc sửa đổi các Quy chế thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ tại Tờ trình số 08/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT.
- IX. Thông qua việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của ĐHCĐ tại Tờ trình số 09/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT.



Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT

thc

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



TRỊNH VĂN TUẤN

C.P.H.



Ngân Hàng Phương Đông

Niềm tin và thịnh vượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2024/BB-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 15/4/2024 NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

Hôm nay, ngày 15/4/2024 vào lúc 08h00, tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn (tầng 3), số 80 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Phương Đông (địa chỉ trụ sở chính: Số 41 (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số 45 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số doanh nghiệp: 0300852005) đã tiến hành phiên họp thường niên.

I. Thành phần tham dự:

- Tham dự phiên họp có các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.
- Theo báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Bà Nguyễn Thị Thúy Minh trình bày, tình hình cổ đông tại Đại hội như sau:

Tổng số cổ đông có mặt và ủy quyền: 232 cổ đông, nắm giữ 1.780.558.380 cổ phần, chiếm tỷ lệ 86,653 % số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành (đính kèm Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự).

Ban kiểm tra tư cách cổ đông xác định Đại hội đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của Điều lệ OCB và pháp luật hiện hành.

II. Ban tổ chức giới thiệu và Đại hội đã biểu quyết thông qua:

1. Ban Kiểm phiếu

Đại hội đã nhất trí 100% thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu gồm các nhân sự sau bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết tại cuộc họp:

- Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Trưởng ban kiểm phiếu
- Ông Vũ Thắng - Thành viên
- Bà Trần Thị Thanh Hà - Thành viên

2. Nội quy làm việc và thể lệ biểu quyết

Đại hội đã nhất trí 100% thông qua Nội quy làm việc và thể lệ biểu quyết của Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội trình bày bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết tại cuộc họp.

3. Chủ tọa đoàn

Ngoài Ông Trịnh Văn Tuấn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tọa theo quy định, 100% đại hội thống nhất bầu thêm 02 thành viên tham gia Chủ tọa đoàn bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết tại cuộc họp.

Danh sách Chủ tọa đoàn như sau:

- Ông Trịnh Văn Tuấn : Chủ tịch HĐQT OCB
- Ông Ngô Hà Bắc : Thành viên HĐQT OCB
- Ông Nguyễn Đình Tùng : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc OCB.

4. Ban Thư ký

Chủ tọa Đoàn đã chỉ định Ban Thư ký gồm có:

- Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa
- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

5. Chương trình Đại hội

Sau khi nghe báo cáo Chương trình Đại hội do Chủ tọa đoàn trình bày, Đại hội đã biểu quyết 100% thông qua Chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết tại cuộc họp.

III. Nội dung Đại hội:

A. Đại hội đã nghe Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc (“TGD”) OCB trình bày các văn kiện Đại hội (đính kèm)

B. Thảo luận và ý kiến đóng góp của cổ đông

Đại hội đã tiến hành thảo luận và giải đáp các nội dung sau:

- Phân tích nguyên nhân chưa hoàn thành kế hoạch năm 2023. Lý giải việc điều chỉnh kết quả lợi nhuận năm 2023 từ kiểm toán độc lập;
- Cơ sở đề ra kế hoạch kinh doanh 2024, kế hoạch trích lập dự phòng 2024 và cập nhật kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2024.
- Đóng góp của cổ đông lớn là Ngân hàng Aozora sau 3 năm tham gia OCB;
- Lợi ích của việc OCB triển khai chiến lược chuyển đổi ngân hàng xanh và kế hoạch triển khai trong năm 2024;
- New Omni 4.0 và vấn đề trong bảo mật giao dịch khách hàng.
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần OCB hiện nay và giải thích về khoản mục chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2024.

C. Kết quả biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình trình Đại hội:

Tiếp theo phần thảo luận các tờ trình, báo cáo, Đại hội đã tiến hành biểu quyết từng nội dung theo sự điều hành của Chủ tọa đoàn bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết tại cuộc họp.

Ban Kiểm phiếu đã kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết các văn kiện trình Đại hội như sau:

1. Thông qua thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị số 01/2024/BC-HĐQT/ĐH.

Định hướng về chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2024:

ĐVT: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh KH 2024 & TH 2023	
				+/-	%
1	Tổng tài sản	240.114	286.562	46.448	19%

2	Tổng huy động TT1	168.112	197.346	29.234	17%
3	Tổng dư nợ TT1 ¹	148.005	177.592	29.586	20%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,02%	< 3,00%		
5	Lợi nhuận trước thuế	4.139	6.885	2.746	66%

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	95,788 %
Không tán thành	0 %
Không có ý kiến	4,212 %

2. Thông qua Báo cáo số 02/2024/BC-BKS về Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	95,788 %
Không tán thành	0 %
Không có ý kiến	4,212 %

3. Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2023 tại Tờ trình số 03/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT, cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
A1	Lợi nhuận trước thuế	4.139.476.155.259
A2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	4.178.887.364.571
B	Thuế thu nhập doanh nghiệp	836.173.454.643
C	Lợi nhuận sau thuế	3.303.302.700.616
D	Trích lập các quỹ theo quy định	495.352.469.542
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	165.117.489.847
2	Quỹ dự phòng tài chính	330.234.979.695
E	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy	2.807.950.231.074

¹ Chỉ tiêu Tổng dư nợ TT1 sẽ được điều chỉnh theo hạn mức tăng trưởng tín dụng NHNN phê duyệt.

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
	định	
1	Trích lập quỹ phúc lợi	24.040.632.157
2	Trích lập quỹ khen thưởng	14.040.632.157
F	Lợi nhuận còn lại năm 2023 của cổ đông	2.769.868.966.760
G	Lợi nhuận còn lại của các năm trước 2023	2.537.481.787.954
H	Tổng lợi nhuận còn lại	5.307.350.754.714
	Phương án phân phối lợi nhuận	
1	Vốn điều lệ hiện tại	20.548.242.940.000
2	Vốn điều lệ nhận cổ tức	20.548.242.940.000
3	Cổ tức (Tỷ lệ 20%)	4.109.648.580.000
3.1	Cổ tức bằng tiền mặt	-
3.2	Cổ tức bằng cổ phiếu	4.109.648.580.000
4	Lợi nhuận chưa phân phối	1.197.702.174.714

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	90,06 %
Không tán thành	9,94 %
Không có ý kiến	0 %

4. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 tại Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT như sau:

- Mức vốn điều lệ tăng thêm trong năm 2024: 4.168.472.110.000 đồng

ĐVT: đồng

Vốn điều lệ hiện tại	20.548.242.940.000
Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2024:	4.168.472.110.000
Trong đó:	
(1) Tăng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	4.109.648.580.000
(2) Tăng do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	50.000.000.000

(3) Tăng do phát hành cổ phiếu riêng lẻ	8.823.530.000
Vốn điều lệ sau khi tăng	24.716.715.050.000

- Ủy quyền cho HĐQT: Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT/ĐH.
- ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:
 - Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ 2024 của OCB với các nội dung theo Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT/ĐH và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - + Lập phương án phát hành chi tiết và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đảm bảo lợi ích cổ đông và Ngân hàng;
 - + Quyết định thực hiện việc tăng vốn tổng thể hoặc từng phần của phương án trên, quyết định thứ tự phát hành. OCB có thể thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức trước, thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành riêng lẻ sau; hoặc thực hiện cùng lúc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành riêng lẻ; hoặc không thực hiện một hoặc hai trong ba phương thức phương án phát hành (phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu ESOP, phát hành riêng lẻ) nhằm tuân thủ quy định pháp luật và tình hình thực tế của OCB.
 - + Quyết định bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh toàn bộ các vấn đề, nội dung của Phương án tăng vốn điều lệ (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ; thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối/phát hành hết phát sinh trong quá trình triển khai Phương án tăng vốn điều lệ.
 - + Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng cụ thể sẽ phát hành, tỷ lệ phát hành, đảm bảo mức tối đa không vượt quá tổng số cổ phần phát hành thêm theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - + Lựa chọn thời điểm thích hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu mới niêm yết theo quy định pháp luật;
 - + Quyết định đối tượng bán, số lượng, giá bán, thời điểm bán cổ phần một cách có lợi nhất cho OCB và theo đúng quy định của Nhà nước;
 - + Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; ban hành quy chế ESOP để thực hiện phương án tăng vốn, quy định việc mua lại cổ phiếu của cán bộ nghỉ việc; thông qua đối tượng được chào bán riêng lẻ là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng nhà đầu tư; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - + Thông qua kết quả phát hành, thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - + Đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- + Cho phép Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc nêu trên.
- Thông qua nội dung sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu nêu tại Điều lệ OCB theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất Phương án tăng vốn điều lệ và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ sửa đổi, cập nhật việc tăng vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế vào Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	89,484 %
Không tán thành	10,516 %
Không có ý kiến	0 %

5. Thông qua tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và chi phí khác năm 2024 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại Tờ trình số 05/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT như sau:
- 5.1 Trích lập tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và các chi phí khác năm 2024 của HĐQT và BKS tối đa 48 tỷ đồng.
- 5.2 Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân bổ mức thù lao, thưởng và các chi phí khác đối với HĐQT, BKS trong tổng mức ngân sách hoạt động đã được ĐHCĐ phê duyệt nêu trên cho năm 2024 và giữa hai phiên họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 và 2025.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	95,788 %
Không tán thành	0 %
Không có ý kiến	4,212 %

6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập của OCB tại Tờ trình số 06/2024/TTr-BKS/ĐH của BKS như sau:
- 6.1 Thông qua danh sách 04 (bốn) Công ty Kiểm toán độc lập sau đây cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), cụ thể:
- a) Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
 - b) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
 - c) Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
 - d) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị giữa hai phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và 2025 quyết định lựa chọn và bổ nhiệm một trong bốn Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện dịch vụ kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính cho OCB.
- 6.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong năm 2024 cho đến phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định để kiểm toán các nội dung khác theo quy định pháp luật.



Kết quả biểu quyết:

Tán thành	95,732 %
Không tán thành	0 %
Không có ý kiến	4,268 %

7. Thông qua về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ OCB tại Tờ trình số 07/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT như sau:

7.1 Thông qua dự thảo Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông sửa đổi, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.

7.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh dự thảo Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông trên cơ sở ý kiến tham gia của cổ đông và ban hành, làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, ban hành Điều lệ kể cả việc bổ sung, thay đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các điều khoản và thời điểm ban hành cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	89,484 %
Không tán thành	0,576 %
Không có ý kiến	9,94 %

8. Thông qua về việc sửa đổi các Quy chế thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại Tờ trình số 08/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT, cụ thể như sau:

8.1 Thông qua dự thảo các Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Phương Đông sửa đổi, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.

8.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị nội bộ, ủy quyền cho Ban kiểm soát hoàn chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến tham gia của cổ đông và ban hành, làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, ban hành các Quy chế này kể cả việc bổ sung, thay đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các điều khoản và thời điểm ban hành cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	89,484 %
Không tán thành	0,576 %
Không có ý kiến	9,94 %

9. Thống nhất thông qua về việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ tại Tờ trình số 09/2024/TTr-HĐQT/ĐH của HĐQT, cụ thể như sau:

9.1. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của OCB.

9.2. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của OCB.

9.3. Quyết định việc thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy phép hoạt động của OCB theo mẫu Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước, quyết định việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, sửa đổi các giấy phép, Điều lệ và các nội dung khác theo địa điểm đặt trụ sở chính mới.

9.4. Xem xét, quyết định việc thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; ban hành quy chế tài chính, các quy chế, quy định thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

9.5. Quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại OCB nhưng không được vượt quá 30% vốn điều lệ của OCB hoặc một tỷ lệ tối đa khác theo quy định pháp luật và sửa đổi Điều lệ OCB về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại OCB.

9.6. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc mua bán cổ phiếu quỹ (bao gồm nhưng không giới hạn ban hành, quyết định, chỉnh sửa các phương án sử dụng vốn cần thiết).

9.7. Phê duyệt các trường hợp xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng theo quy định pháp luật.

Việc ủy quyền trên đây có giá trị thực hiện đến phiên họp ĐHĐCĐ thường niên kỳ tới.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	89,484 %
Không tán thành	0,576 %
Không có ý kiến	9,94 %

Thông qua Biên bản Đại hội:

Đại hội đã nghe dự thảo và biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội do Ban thư ký trình bày bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết tại cuộc họp.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	100%
Không tán thành	0%
Không có ý kiến	0%

Nội dung chi tiết của Biên bản kiểm phiếu được kèm theo Biên bản này.

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/4/2024 OCB kết thúc vào lúc 12 giờ 00 phút. Biên bản này đã được đọc toàn văn cho Đại hội cùng nghe và được Đại hội thông qua.

THỦ KÝ ĐOÀN



NGUYỄN THỊ THU THỦY



NGUYỄN TUẤN NGHĨA

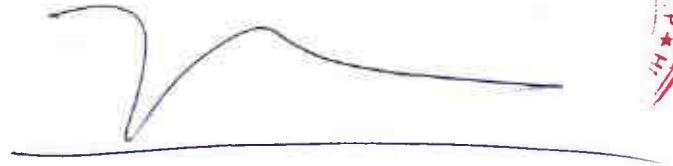
CHỦ TOA ĐOÀN



TRỊNH VĂN TUẤN



NGÔ HÀ BẮC



NGUYỄN ĐÌNH TÙNG



Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024



BÁO CÁO
KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng TMCP Phương Đông,

1. Tính đến thời điểm khai mạc Đại hội (8h30 ngày 15/4/2024), Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra như sau:

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội là: **20.103** cổ đông, sở hữu 100% vốn cổ phần của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Tổng số cổ đông hiện diện và ủy quyền là: **156** cổ đông
- Tổng số cổ đông vắng mặt là: **19.947** cổ đông

Tổng cộng **156** cổ đông hiện diện và ủy quyền tham dự Đại hội tương đương **1.687.159.733** cổ phần chiếm tỷ lệ **82,11%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

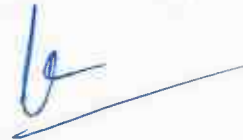
Ban kiểm tra tư cách cổ đông kết luận tất cả **156** cổ đông hiện diện và ủy quyền tham dự đủ tư cách đại diện cho **1.687.159.733** cổ phần trên tổng số **2.054.824.294** cổ phần, chiếm tỷ lệ **82,11%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đáp ứng đủ điều kiện để tổ chức Đại hội theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông và pháp luật liên quan.

2. Tính đến thời điểm trước khi tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung tại ĐH (10h30 ngày 15/4/2024), Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như sau:

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội là: **20.103** cổ đông, sở hữu 100% vốn cổ phần của Ngân hàng TMCP Phương Đông
- Tổng số cổ đông hiện diện và ủy quyền là: **232** cổ đông
- Tổng số cổ đông vắng mặt là: **19.871** cổ đông

Tổng cộng **232** cổ đông hiện diện và ủy quyền tương đương **1.780.558.380** cổ phần trên tổng số **2.054.824.294** cổ phần, chiếm tỷ lệ **86.65 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

TM.BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG



NGUYỄN THỊ THÚY MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG NGÀY 15/04/2024**

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2024, tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn (tầng 3), số 80 Đông Du, P. Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng TMCP Phương Đông đã tiến hành biểu quyết các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông.

A. BAN KIỂM PHIẾU GỒM:

- Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Trưởng ban kiểm phiếu
- Ông Vũ Thắng – Thành viên
- Bà Trần Thị Thanh Hà – Thành viên

B. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU:

Tính đến thời điểm tiến hành biểu quyết, theo báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông, tổng số cổ đông hợp lệ và đủ điều kiện biểu quyết là **232** cổ đông, sở hữu **1.780.558.380** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ **86,65%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng TMCP Phương Đông.

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: **232** phiếu, tương đương **1.780.558.380** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **86,65%** tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội.
- Số lượng phiếu biểu quyết không hợp lệ: **0** phiếu, chiếm **0 %** tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung	TỔNG số CP biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		Số CP biểu quyết	Tỷ lệ	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ
1. Chương trình Đại hội	1.780.558.380	1.780.558.380	100%	0	0	0	0
2. Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu	1.780.558.380	1.780.558.380	100%	0	0	0	0
3. Báo cáo của Hội đồng Quản Trị (HDQT)	1.780.558.380	1.705.560.545	100%	0	0	0	0
4. Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS)	1.780.558.380	1.705.560.545	100%	0	0	0	0
5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023, Phương án phân phối lợi	1.780.558.380	1.603.567.286	90,06%	176.991.094	9,94%	0	0

Nội dung	TỔNG số CP biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		Số CP biểu quyết	Tỷ lệ	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ
nhuận và trích lập các quỹ năm 2023							
6. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024	1.780.558.380	1.593.307.286	89,48%	187.251.094	10,52%	0	0
7. Tờ trình về việc phê duyệt tổng mức Ngân sách, thù lao, phụ cấp chuyên trách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2024	1.780.558.380	1.705.560.545	95,79%	0		74.997.835	4,21%
8. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập	1.780.558.380	1.704.560.545	95,73%	0		75.988.835	4,27%
9. Tờ trình sửa đổi bổ sung điều lệ OCB	1.780.558.380	1.593.307.286	89,48%	10.260.000	0,58%	176.991.094	9,94%
10. Tờ trình sửa đổi các quy chế thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	1.780.558.380	1.593.307.286	89,48%	10.260.000	0,58%	176.991.094	9,94%
11. Tờ trình về việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông	1.780.558.380	1.593.307.286	89,48%	10.260.000	0,58%	176.991.094	9,94%
12. Biên bản Đại hội	1.780.558.380	1.780.558.380	100%	0	0	0	0

C. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THÔNG QUA:

Căn cứ quy định tại Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông và các quy định Pháp luật hiện hành, kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung từ mục 1 đến mục 12 nêu trên, ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua toàn bộ nội dung trình Đại hội của HĐQT.

Biên bản kiểm phiếu kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày, đã được các thành viên Ban kiểm phiếu cùng nhất trí và ký tên vào biên bản.

BAN KIỂM PHIẾU


ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN


VŨ THẮNG


TRẦN THỊ THANH HÀ



tiền an và thịnh vượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Ngày 15/4/2024

TT	Thời gian	Nội dung chương trình
1	08:00 – 08:30	Cổ đông đăng ký danh sách, nhận thẻ biểu quyết
2	08:30 – 08:35	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự
3	08:35 – 08:40	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
4	08:40 – 08:50	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và biểu quyết thông qua: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ban Kiểm phiếu ▪ Nội quy làm việc của Đại hội ▪ Chủ tọa đoàn - Chủ tọa đoàn chỉ định Ban thư ký - Giới thiệu Chương trình Đại hội và biểu quyết thông qua
5	08:50 – 09:20	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo của Hội đồng Quản Trị (HĐQT) 2. Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS)
6	09:20 – 10:00	<ol style="list-style-type: none"> 3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023, Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023. 4. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024. 5. Tờ trình về việc phê duyệt tổng mức ngân sách, thù lao, phụ cấp chuyên trách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2024. 6. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập. 7. Tờ trình sửa đổi bổ sung điều lệ OCB. 8. Tờ trình sửa đổi các quy chế thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. 9. Tờ trình về việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.
7	10:00 – 10:45	Đại hội thảo luận các báo cáo và tờ trình.
8	10:45 – 10:50	Ban Kiểm phiếu hướng dẫn thẻ lệ biểu quyết.
9	10:50 – 11:05	Cổ đông tiến hành biểu quyết các báo cáo và tờ trình.
10	11:05 – 11:20	Đại hội nghỉ giải lao 15 phút
11	11:20 – 11:30	Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về các nội dung xin ý kiến Đại hội.
12	11:30 – 11:40	<ul style="list-style-type: none"> • Ban Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản Phiên họp. • Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản Phiên họp thường niên 2024.
13	11:40 – 11:45	Chủ tọa đoàn phát biểu bế mạc Đại hội.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Kết quả kinh doanh

Năm 2023, tình hình kinh tế vĩ mô thế giới chứng kiến nhiều biến động phức tạp, không đứng ngoài xu hướng chung toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam diễn biến cùng pha và đối diện với không ít khó khăn. Đối mặt với những cơn gió ngược từ thế giới như: căng thẳng địa chính trị leo thang, chính sách thắt chặt tiền tệ của nhiều NHTW lớn nhằm kiểm soát lạm phát, tổng cầu thế giới giảm...kết hợp với những khó khăn nội tại như tiêu dùng và bán lẻ tăng trưởng không như kỳ vọng, xuất nhập khẩu suy yếu; thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng; từ đó, dẫn đến tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 chỉ đạt 5,05%, thấp hơn mục tiêu Chính phủ đặt ra đầu năm. Đối với lĩnh vực ngân hàng, do tình hình kinh tế diễn biến không thuận lợi khiến lượng hấp thụ vốn toàn nền kinh tế suy yếu, tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng so với cùng kỳ.

Mặc dù bối cảnh vĩ mô không thuận lợi, OCB vẫn tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô Tổng tài sản, quy mô Tín dụng thị trường 1 và Huy động thị trường 1; Kiểm soát chất lượng tài sản; Tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản của năm 2023 như sau:

ĐVT: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	% tăng/giảm so với 2022	% so với kế hoạch 2023
Tổng tài sản	193.994	240.114	24%	99%
Tổng dư nợ TT1 ¹	122.792	148.005	20.53%	100%
Tổng huy động TT1 ²	137.394	168.112	22%	97%
Lợi nhuận trước thuế	4.389	4.139	-6%	69%
Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	1,70%	2,02%		Đạt

1.1. Tăng cường hỗ trợ khách hàng với hàng loạt gói tín dụng ưu đãi

Trong năm 2023, nhờ có chiến lược linh hoạt trong bối cảnh cầu tín dụng thấp, thay đổi/điều chỉnh sản phẩm phù hợp với thị trường, và hài hòa giữa lợi ích của khách hàng và Ngân hàng,

¹ Tổng dư nợ TT1 gồm: Cho vay khách hàng; TPDN; Mua nợ.

² Tổng huy động TT1 gồm: Tiền gửi khách hàng; GTCG; Vốn tài trợ - ủy thác.

OCB đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng tín dụng vượt trội. Đối với khách hàng Doanh nghiệp (KHDN), OCB chuyển dịch tín dụng trọng tâm vào các ngành nghề ưu tiên, đầu tư công và giảm tỷ trọng các ngành nghề có rủi ro cao với mục tiêu đa dạng hóa, tối ưu hiệu quả danh mục để phát triển bền vững. Đối với KHCB, OCB tập trung vào các sản phẩm thế mạnh của Ngân hàng và nhu cầu tăng trưởng tốt, an toàn như Cho vay sản xuất kinh doanh (SXKD); Cho vay tiêu dùng có TSDB, Thẻ tín dụng.

Bên cạnh các biện pháp cơ cấu nợ, Ngân hàng cũng đã triển khai nhiều gói tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp hỗ trợ khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn như Gói vay SXKD với lãi suất chỉ từ 5,2%/năm; Vay ưu đãi phục vụ nhu cầu nhà ở với lãi suất chỉ từ 6,49%/năm; sản phẩm Easy Loans với thời gian phê duyệt nhanh, giảm lãi suất 1-2% so với mức lãi suất thông thường kết hợp với các ưu đãi miễn/giảm phí hấp dẫn ... Nhờ đó, đã được khách hàng đón nhận tích cực, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cao hơn mức 13,7% trung bình ngành. Các biện pháp hỗ trợ khách hàng này tác động đến NIM trong ngắn hạn; tuy nhiên, sẽ tạo cơ hội để OCB tìm kiếm thêm khách hàng tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng quy mô của ngân hàng trong dài hạn.

1.2. Huy động thị trường 1 tăng tốc

Huy động thị trường 1 tăng 22% so với cùng kỳ, đạt trên 168 nghìn tỷ đồng. Trong đó tăng trưởng mạnh mẽ đến từ cả Tiền gửi khách hàng, Phát hành giấy tờ có giá và Nguồn vốn tài trợ và ủy thác đầu tư từ các định chế tài chính quốc tế. Đặc biệt, tiền gửi khách hàng tăng 23% lên mức 126 nghìn tỷ đồng, trong đó huy động khách hàng cá nhân (KHCB) tăng 27% cho thấy OCB đã có bước tiến về nhận diện thương hiệu, khẳng định sự an toàn, uy tín của OCB trên thị trường. Trong năm, OCB cũng đã tăng cường quan hệ hợp tác với các định chế tài chính nước ngoài như IFC, DEG .. , giúp OCB củng cố nguồn vốn trung dài hạn. Tính đến 31/12/2023, Nguồn vốn tài trợ và ủy thác đạt 4.358 tỷ đồng, tăng 38% so với cuối năm 2022.

1.3. Hoạt động quản trị rủi ro:

Năm 2023 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro của Ngân hàng. OCB tự hào công bố hoàn thành triển khai và áp dụng nền tảng tính vốn điện toán đám mây theo Basel II Nâng cao (phương pháp tiếp cận nội bộ - IRB), trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hoàn thành tất cả các yêu cầu tiên tiến của Basel trong chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế, giúp hoàn thiện hơn khung quản lý rủi ro của OCB tiệm cận với tiêu chuẩn áp dụng tại các nước có nền kinh tế phát triển. Kết quả tính toán được ứng dụng trong định hướng điều hành hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro, là cơ sở để Ngân hàng triển khai các phương thức quản lý danh mục chủ động và áp dụng lãi suất cho vay linh hoạt theo mức độ rủi ro cho từng khoản vay.

Việc liên tục triển khai và áp dụng các chuẩn mực quản lý rủi ro tiên tiến thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc đảm bảo an toàn hoạt động, nâng cao năng lực quản lý vốn, tăng cường khả năng chống chịu rủi ro và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế của OCB, cân bằng giữa việc theo đuổi các mục tiêu tăng trưởng và đảm bảo tính bền vững trong hoạt động của Ngân hàng.

OCB luôn tuân thủ chặt chẽ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Nhờ đó, Ngân hàng đã duy trì hoạt động an toàn, hiệu quả và kiểm soát tốt các rủi ro xuyên suốt trong năm 2023.

Tình hình thực hiện giám sát một số hạn mức rủi ro trọng yếu năm 2023:

Chỉ Tiêu	Thực hiện năm 2023	Quy định NHNN	Đánh giá
Hệ số an toàn vốn (CAR Basel II)	13,30%	≥ 8%	Tuân thủ
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	23,94%	≤ 30%	Tuân thủ
Hệ số LDR (Cho vay/huy động vốn)	73,66%	≤ 85%	Tuân thủ
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	20,35%	≥ 10%	Tuân thủ
Tỷ lệ nợ xấu	2,02%	< 3% (*)	Tuân thủ

(*) Khuyến nghị của NHNN về việc các Tổ chức tín dụng thực hiện kiểm toán tỷ lệ nợ xấu dưới 3%

1.4. Hoạt động Công nghệ thông tin và Ngân hàng số:

Năm 2023 OCB tái cơ cấu và bổ sung 20% nguồn lực nhân sự Công nghệ thông tin (CNTT) để phát triển công nghệ và thực hiện các dự án theo kế hoạch chuyển đổi số nhằm đáp ứng nhu cầu vận hành, phát triển, chuyển đổi số và mở rộng sản phẩm dịch vụ tài chính/ngân hàng.

Trong năm, Ngân hàng hoàn tất đầu tư và đưa vào sử dụng các giải pháp hiện đại, đầu ngành như:

- Dự án phòng chống tội phạm, gian lận tài chính & rửa tiền – Oracle Financial Crime and Compliance Management (Oracle FCCM)
- Dự án phòng chống, giám sát và quản lý gian lận giao dịch đa kênh – IBM Safer Payment
- Dự án chuyển đổi nền tảng công nghệ ngân hàng số OCB OMNI qua giải pháp ngân hàng số với công nghệ và trải nghiệm tiên tiến nhất hiện nay Backbase Digital Banking Platform.

Đến 31/12/2023, số lượng người dùng và số lượng giao dịch qua kênh ngân hàng số OCB OMNI tăng lần lượt trên 30% và 100% so với đầu năm. Ngoài ra OCB đã hoàn thiện thêm bộ giải pháp Open API và đẩy mạnh kết nối các hệ sinh thái đối tác, đem lại số lượng giao dịch và doanh số qua hệ sinh thái đối tác tăng trưởng lần lượt là 55% & 350%.

1.5. Hoạt động phát triển thương hiệu:

Năm 2023 hoạt động Marketing, Truyền thông của OCB được đẩy mạnh, với nhiều chương trình nổi bật, sáng tạo, đưa thương hiệu OCB trở nên quen thuộc và có vị thế nhất định trong lòng khách hàng.

Chủ động nghiên cứu, đề xuất và tiếp cận các phương pháp truyền thông mới để tối ưu hóa hiệu quả các chiến dịch. Qua đó, tăng điểm chạm về thương hiệu, giúp khách hàng cá nhân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các thông tin, sản phẩm, dịch vụ đồng thời có cơ hội gia tăng lợi ích khi nhận thêm ưu đãi, cơ hội trúng thưởng từ các chương trình khuyến mãi.

Sau 10 năm công bố hệ thống nhận diện thương hiệu, năm 2023, OCB đã thực hiện cải tiến, quy chuẩn lại hình ảnh hệ thống Chi nhánh/ Phòng giao dịch trên toàn quốc, với không gian hiện đại, sang trọng, chuyên nghiệp, qua đó tối ưu hiệu quả quảng cáo, tiếp cận khách hàng, bước đầu nhận được phản hồi rất tích cực từ khách hàng và đối tác.

Đặc biệt, OCB đã tích cực triển khai các chương trình vì cộng đồng, xã hội, như hợp tác cùng Quỹ Hiếu về trái tim trong việc tài trợ chi phí mổ tim cho các bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn, tiếp sức đến trường cho học sinh, chăm lo Tết cho bà con có hoàn cảnh khó khăn tại nhiều địa phương, cùng nhiều hoạt động ý nghĩa khác xuyên suốt trong năm.

OCB tiếp tục được ghi nhận và vinh danh tại nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế trong năm 2023:

- Top 30 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam
- Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam do Brand Finance công bố
- Top 500 ngân hàng mạnh nhất Châu Á – Thái Bình Dương theo xếp hạng Asian Banker
- Nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng số tiêu biểu Việt Nam 2023 (Global Economics)
- Asian Technology Excellence Awards 2023 – Design Technology Award for Unlock Dream Home application (tạp chí Asian Business Review trao tặng)

1.6. Hoạt động phát triển kênh mạng lưới:

Trong năm 2023, OCB đã hoàn thành việc triển khai và đưa vào hoạt động 4 chi nhánh và 6 phòng giao dịch theo cấp phép của Ngân hàng Nhà nước. Tính đến 31/12/2023, OCB có tổng cộng 159 đơn vị mạng lưới, gồm 1 Hội sở, 57 Chi nhánh, 101 Phòng Giao dịch hiện diện trên 43 tỉnh thành của cả nước.

1.7. Công tác quản trị nhân sự và đào tạo:

Tính đến 31/12/2023, tổng số CBNV của OCB là 6,816 nhân sự, đảm bảo nguồn nhân lực cho toàn bộ hoạt động kinh doanh và vận hành của tất cả các Đơn vị trong hệ thống.

Việc triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực tại OCB luôn có sự định hướng và chỉ đạo sát sao từ Ban lãnh đạo nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trong ngắn và dài hạn cả về số lượng và chất lượng. Các hoạt động phát triển nguồn nhân lực đều có sự tham gia phối hợp trực tiếp của các Khối, Phòng ban Hội sở và Đơn vị kinh doanh, từ cấp quản lý đến đội ngũ nhân sự chuyên môn nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu của OCB. Trong năm 2023, OCB tiếp tục triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực tập trung vào:

- Phát triển đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc và lộ trình phát triển cho CBNV tại các đơn vị kinh doanh. Trong đó có 4 chương trình cho Đơn vị kinh doanh gồm: Giám đốc tiềm năng; Giám đốc quan hệ khách hàng/ Giám đốc Tín dụng tiềm năng; Kiểm soát viên/ Dịch vụ khách hàng tiềm năng; và 3 chương trình triển khai cho Hội sở bao gồm: OCB Line-Up Leader; OCB Talented Bankers; OCB Talented Technologist. Với tổng số nhân sự được quy hoạch là 177 CBNV.

- Tăng cường nâng cao năng lực quản lý thông qua triển khai các chương trình đào tạo: Digital Academy; Nâng tầm BM; Mentoring coach; ...
- Đẩy mạnh đào tạo nâng cao năng lực tiếng Anh cho CBNV thông qua cung cấp các bài học tiếng Anh với chương trình Micro learning mỗi ngày 1 tip learning; hệ thống học online Elsa Speak.
- Triển khai đánh giá năng lực tiềm năng và phát triển định kỳ đội ngũ kế thừa (succession planning) để xây dựng chương trình đào tạo, hỗ trợ kịp thời cho lộ trình phát triển nghề nghiệp của CBNV.

2. Đánh giá chung về công tác quản trị doanh nghiệp

2.1. Công tác quản trị:

Đầu năm 2023, HĐQT của OCB gồm 7 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập. Đến 28/4/2023, OCB bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT của Ngân hàng đã thực hiện công tác quản trị trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tách bạch giữa hoạt động quản trị và hoạt động điều hành.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 32 phiên họp, bao gồm 05 phiên họp HĐQT trực tiếp và 27 phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giao nhiệm vụ cho BDH và kiểm tra kết quả thực hiện các chỉ tiêu. Ngoài 32 phiên họp HĐQT, HĐQT cũng đã thảo luận và thông qua 140 Nghị quyết và Quyết định về nhiều lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của Ngân hàng.

Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành mới và sửa đổi, bổ sung một số văn bản như: Quy chế cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Phương Đông; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự OCB; Quy chế phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại OCB; Quy chế bảo lãnh Ngân hàng; Quy chế về hoạt động kinh doanh Trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế phân cấp quản lý nhân sự; Quy chế phân cấp phán quyết đối với nghiệp vụ tín dụng đầu tư giấy tờ có giá và mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá; Quy chế cho vay đối với khách hàng,.....

2.2. Hoạt động của các Ủy ban:

Nhằm giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị, HĐQT đã thành lập các cơ quan trực thuộc để triển khai các công việc. Trong năm 2023, các Ủy ban đã hoàn thành tốt vai trò và đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của Ngân hàng.

Chi tiết hoạt động của các Ủy ban như sau:

Ủy ban Quản lý rủi ro (QLRR): gồm có 5 thành viên, tham mưu cho HĐQT về khung chiến lược QLRR, đảm bảo OCB xây dựng và hoàn thành các chính sách liên quan. Trong năm 2023, Ủy ban QLRR đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ và tổ chức ý kiến qua email nhằm giám sát khẩu vị rủi ro, trạng thái rủi ro toàn hàng; đánh giá và chỉ đạo triển khai các chương trình hành động, biện pháp kiểm soát rủi ro; thông qua các đề xuất ban hành các Quy chế liên quan đến khung quản lý mô hình đo lường rủi ro, khung chiến lược QLRR, khung Khẩu vị rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn phù hợp và tuân thủ quy định pháp luật và thực tiễn kinh doanh.

Ủy ban Nhân sự: gồm có 4 thành viên, chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT các định hướng trong công tác quản lý và phát triển nhân sự, xây dựng văn hóa, gắn kết, chế độ lương, thưởng,

phúc lợi cho cán bộ nhân viên OCB. Trong năm 2023, Ủy ban Nhân sự đã chỉ đạo rà soát năng suất lao động nhằm tối ưu hóa chi phí nhân viên, đào tạo năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý; xây dựng văn hóa, hướng tới đào tạo, phát triển nội bộ đảm bảo cân bằng, ổn định nhân sự và tiếp tục rà soát công tác tuyển dụng, đào tạo, chính sách nhằm thu hút và giữ chân nhân sự có năng lực.

Ủy ban Tín dụng: gồm có 10 thành viên. Trong năm 2023, Ủy ban tín dụng đã phê duyệt hồ sơ tín dụng theo phạm vi phân cấp và phê duyệt khung quản lý rủi ro tín dụng.

Ủy ban Xử lý rủi ro (UBXLRR): gồm có 6 thành viên. UBXLRR chịu trách nhiệm quản lý chính sách dự phòng, quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đối với nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, quyết định các biện pháp xử lý các khoản nợ quá hạn hoặc trong hạn tiềm ẩn rủi ro, quyết định và phê duyệt các biện pháp xử lý đối với các sự kiện rủi ro hoạt động có phát sinh tổn thất tài chính.

Ủy ban Cơ cấu nợ (UBCCN): gồm có 9 thành viên, chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ, tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định có liên quan thuộc phạm vi chức năng của Ủy ban cơ cấu nợ. Trong năm 2023, UBCCN đã tổ chức 38 cuộc họp với 70 hồ sơ.

Hội đồng Mua bán nợ: gồm có 9 thành viên. Hội đồng Mua bán nợ chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT về hoạt động mua, bán nợ tại OCB; phê duyệt mua, bán nợ trong phạm vi thẩm quyền theo quy định. Trong năm 2023, Hội đồng Mua bán nợ đã xử lý 06 hồ sơ theo thẩm quyền.

Ủy ban Hợp tác Chiến lược (SAC): gồm 04 thành viên. Trong năm 2023 đã có 03 cuộc họp SAC được tổ chức nhằm trao đổi và thống nhất về định hướng hợp tác chiến lược và phát triển kinh doanh giữa OCB và Ngân hàng Aozora.

2.3. Hoạt động của thành viên độc lập của HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT:

Năm 2023 là năm thứ 4 trong nhiệm kỳ (2020 – 2025) của HĐQT, HĐQT OCB có 02 (hai) thành viên độc lập là Ông Phạm Tri Nguyen và Ông Bùi Minh Đức. Ông Phạm Tri Nguyen giữ vị trí thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro và chịu trách nhiệm phát triển hợp tác với các định chế nước ngoài; kết nối, đầu tư từ các quỹ đầu tư nước ngoài. Ông Bùi Minh Đức phụ trách công tác quản trị kế toán kiểm toán của Ngân hàng.

- Các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Các thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện việc xem xét và đóng góp ý kiến đối với chiến lược, kế hoạch kinh doanh, và các văn bản của Ngân hàng thuộc thẩm quyền.
- Tham gia giám sát và đôn đốc BĐH trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Các thành viên HĐQT độc lập đã có những đóng góp tích cực về công tác quản trị của Ngân hàng, bảo đảm tính độc lập và khách quan trong việc ra quyết định của HĐQT.

Đánh giá của các thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT OCB:

- HĐQT OCB đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ OCB, Quy chế tổ chức hoạt động, quy định của pháp luật;
- Các thành viên HĐQT làm việc tích cực và hiệu quả trên tinh thần cẩn trọng, minh bạch và trách nhiệm.
- HĐQT cũng đã thực hiện tốt việc hoạch định chiến lược cho Ngân hàng và hỗ trợ BDH hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023.

2.4 Hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành:

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các buổi làm việc với BDH để trao đổi thông tin nhằm triển khai và thực thi kế hoạch kinh doanh:

- Thực hiện theo Điều lệ và các quy định nội bộ của OCB.
- HĐQT luôn đảm bảo sự giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua cơ chế Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ đến HĐQT về hoạt động toàn hàng tại các phiên họp HĐQT và phê duyệt các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc.

2.5 Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023:

Ngoài việc thực hiện Nghị quyết về hoạt động kinh doanh, trong năm 2023 OCB đã thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023 đề ra như sau:

- Sửa đổi và ban hành Điều lệ OCB năm 2023;
- Thực hiện trích lập các quỹ năm 2022;
- Đã chọn Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024;
- Đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của OCB đến địa điểm mới là tòa nhà The Hallmark số 15 Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Về việc tăng vốn điều lệ: Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 20.548.242.940.000 đồng do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, chính thức nằm trong Top Ngân hàng tư nhân có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống.

3. Báo cáo công khai các lợi ích liên quan

Theo quy định tại Điều 39 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, OCB báo cáo công khai đến ĐHĐCĐ các lợi ích liên quan đến HĐQT, BKS, BDH tính đến thời điểm 31/12/2023 như sau:

Đối tượng	Số lượng thành viên	Số doanh nghiệp là người có liên quan
Hội đồng Quản trị	09 thành viên	09 doanh nghiệp
Ban Kiểm soát	03 thành viên	01 doanh nghiệp
Ban Điều hành	06 thành viên	02 doanh nghiệp

4. Các nội dung khác HĐQT cần báo cáo ĐHĐCB theo luật định

- Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan: có phát sinh (chi tiết theo báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023).
- Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không phát sinh.
- Đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của OCB đến địa điểm mới. OCB sẽ thực hiện các thủ tục cập nhật địa chỉ mới trong các Giấy phép và Điều lệ theo quy định pháp luật.

- Báo cáo công khai danh sách người vay:

Theo quy định tại Điều 127.1 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, OCB báo cáo công khai với ĐHĐCB về việc cho vay đối tượng hạn chế cấp tín dụng đến thời điểm ngày 31/12/2023 như sau:

- Đối tượng: CBNV của OCB có chức danh thuộc đối tượng hạn chế cấp tín dụng.
- Tổng số CBNV vay vốn: 1.159 người
- Tổng số món vay: 99 món vay và 1.483 khoản thẻ tín dụng
- Tổng hạn mức cấp tín dụng: 254,07 tỷ đồng
- Tổng dư nợ thực tế tại ngày 31/12/2023: 202,16 tỷ đồng.

Việc cho vay các đối tượng nói trên đã được OCB thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật và quy định của OCB.

- Báo cáo kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro và xử lý tổn thất tính đến thời điểm ngày 31/12/2023 như sau:
 - Kết quả phân loại nợ tại 31/12/2023: Tổng nợ nội bảng (tổng Tài sản có) là 197.145 tỷ đồng; Tổng nợ xấu là 3.975 tỷ đồng; Tỷ lệ nợ xấu là 2,02%
 - Tổng cam kết ngoại bảng: 8.122 tỷ đồng.
 - Kết quả trích lập dự phòng rủi ro tại ngày 31/12/2023: 2.530 tỷ đồng
 - Kết quả sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm 2023: 703 tỷ đồng
 - Kết quả sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất tồn đọng: OCB chưa phát sinh xử lý tổn thất theo quy định tại Thông tư 11.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Kinh tế Việt Nam dự phóng vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức trong năm 2024. GDP Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức 5,5% - 6,0% trong 2024³ với nhiều rủi ro tiềm ẩn trong nước và quốc tế. Theo đó, các chính sách của NHNN dự kiến theo hướng linh hoạt, kịp thời hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2024 cũng là năm bản lề với hàng loạt thay đổi trọng yếu về pháp lý sau khi Quốc hội thông qua Luật tổ chức tín dụng 2024, Luật đất đai 2024, Luật nhà ở 2023

Từ nhận định trên, OCB định hướng như sau:

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý hiệu suất theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Từng bước tái cơ cấu lại danh mục kinh doanh theo hướng đa dạng nguồn thu, nâng cao chất lượng tài sản, tích cực đẩy mạnh công tác thu hồi xử lý nợ xấu, xử lý tài sản đảm bảo.
- Triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và các tiêu chuẩn cao hơn trong công tác quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế.
- Triển khai các chương trình chiến lược cải thiện năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững, định vị OCB là “Ngân hàng xanh tiên phong tại Việt Nam”.
- Ra mắt thành công New OMNI 4.0, thúc đẩy Open Banking, số hoá quy trình và mở rộng ứng dụng công nghệ dữ liệu vào các lĩnh vực hoạt động.
- Nâng cao chất lượng tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới PGD/CN trên cả nước với kế hoạch mở rộng thêm 17 PGD và Chi nhánh trong 2024.

Định hướng về chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2024:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh KH 2024 & TH 2023	
				+/-	%
1	Tổng tài sản	240.114	286.562	46.448	19%
2	Tổng huy động TT1	168.112	197.346	29.234	17%
3	Tổng dư nợ TT1 ⁴	148.005	177.592	29.586	20%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,02%	< 3,00%		
5	Lợi nhuận trước thuế	4.139	6.885	2.746	66%

Trân trọng cảm ơn./

³ Theo dự báo WB và ADB tháng 12/2023

⁴ Chỉ tiêu Tổng dư nợ TT1 sẽ được điều chỉnh theo hạn mức tăng trưởng tín dụng NHNN phê duyệt.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRINH VĂN TUẤN



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát số 01/2021/QĐ-BKS ngày 06/05/2021;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Phương Đông;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng quản trị (HDQT), Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 của OCB.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao năm 2023 và trọng tâm công tác năm 2024 của BKS như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tổng kết cuộc họp của Ban kiểm soát

- Trong năm 2023, BKS đã tổ chức 6 phiên họp vào các ngày: 11/01/2023, 13/3/2023, 04/4/2023, 13/7/2023, 13/10/2023 và 13/12/2023. BKS đã duy trì hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ của OCB. Các thành viên BKS đều tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và biểu quyết thống nhất thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS.
- Ngoài ra, BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành, tổ chức trao đổi, thảo luận và đánh giá hoạt động của Kiểm toán nội bộ để phục vụ cho mục đích kiểm soát của BKS.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

Trên cơ sở Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 và Báo cáo tài chính năm 2023 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và đã được công bố trên website của OCB theo quy định hiện hành. Ban kiểm soát thống nhất với các ý kiến, nhận xét tại Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam như sau: báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của OCB tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và các người điều hành khác

- Trong năm 2023, BKS đã thực hiện giám sát đối với HĐQT, TGD và các người điều hành hoạt động quản trị điều hành với các nội dung sau:
 - + Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB trong việc quản trị và điều hành;
 - + Giám sát việc triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ;
 - + Rà soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc xây dựng và ban hành quy chế, quy định nội bộ của HĐQT và TGD;
 - + Giám sát việc thực hiện các chỉ thị của Ngân hàng Nhà nước trong hoạt động ngân hàng;
 - + Giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Qua công tác giám sát, BKS đánh giá hoạt động quản trị, điều hành đã được triển khai phù hợp theo quy định pháp luật và quy định của OCB, bao gồm việc tuân thủ các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của OCB được quy định tại Khoản 1, Điều 127 của Luật các TCTD số 47/2010/QH12.
- Ngoài ra, HĐQT đã tích cực triển khai công tác quản trị ngân hàng, thay đổi cơ cấu tổ chức, có các quyết định kịp thời nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện cho Ban điều hành triển khai hoạt động kinh doanh và giải quyết các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh. TGD đã tổ chức, điều hành hoạt động ngân hàng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của OCB.
- BKS đánh giá các hoạt động kinh doanh của OCB đã được HĐQT và TGD thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của OCB.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông

- Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông OCB được thực hiện theo nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật và quy định của OCB và vì lợi ích chung của OCB.
- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo quy định, BKS đã tham dự đầy đủ các phiên họp trực tiếp của HĐQT, trong các phiên họp BKS báo cáo về hoạt động của BKS, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến của từng phiên họp.
- Các kiến nghị của BKS và Kiểm toán nội bộ đã được HĐQT và TGD xem xét và chỉ đạo các phòng ban liên quan thực hiện.



5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS

- Mức thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong phạm vi ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS đã được ĐHCĐ năm 2023 thông qua.
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác năm 2023 của BKS: 3,3 tỷ đồng.
- Kế hoạch thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác năm 2024 của BKS theo tờ trình mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS.

6. Hoạt động kiểm toán nội bộ

Trong năm 2023, BKS đã giám sát, chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ triển khai các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán năm 2023 đã được BKS phê duyệt. Cụ thể đã hoàn thành 30/30 nội dung/đơn vị được kiểm toán theo kế hoạch.
- Rà soát và ban hành Sổ tay kiểm toán nội bộ, tiếp tục hoàn thiện các quy định, hướng dẫn công việc có liên quan đến kiểm toán nội bộ.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 theo định hướng rủi ro và quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Qua kết quả kiểm toán, Phòng Kiểm toán nội bộ đã có các kiến nghị để khắc phục các sai sót, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình nhiệm vụ nhằm tăng cường quản lý rủi ro và hiệu quả hoạt động.
- Phòng Kiểm toán nội bộ đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của OCB.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2023

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của OCB

Trong năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức như chính sách tiền tệ thắt chặt, mức tăng trưởng thấp hơn so với kỳ vọng, mặc dù lạm phát có hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao. Nền kinh tế Việt Nam cũng không ngoại lệ, không đạt được mục tiêu GDP là 6,5% như đã đề ra, xuất nhập khẩu suy yếu, thị trường bất động sản trầm lắng, nợ xấu có xu hướng tăng cao.

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế cũng như của ngành Ngân hàng, OCB đã luôn cố gắng, linh hoạt để trong các hoạt động kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ được giao và tuân thủ quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ năm 2023 giao như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh	Kế hoạch 2023 do ĐHĐCĐ giao	Thực hiện 31/12/2023	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng tài sản	242.152	240.114	99%
2	Tổng huy động TT1	173.087	168.112	97%
3	Tổng dư nợ TT1	147.330	148.005	100%
4	Tỷ lệ nợ xấu	<3%	2,02%	Đạt
5	Lợi nhuận trước thuế	6.000	4.139	69%

Các chỉ số về quản lý rủi ro cũng được quản trị và tuân thủ đầy đủ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Kết quả thực hiện các nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông năm 2023

Ngoài việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, trong năm 2023 HĐQT, BKS đã thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra như sau:

- Sửa đổi và ban hành Điều lệ OCB năm 2023;
- Đã hoàn thành việc trích lập các quỹ năm 2022.
- Hoàn thành việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024.
- Đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của OCB đến địa điểm mới là tòa nhà The Hallmark số 15 Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 20.548.242.940.000 đồng do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, chính thức nằm trong Top Ngân hàng tư nhân có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống .

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Ban kiểm soát xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 như sau:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của OCB trong việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ và Điều lệ OCB.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.



- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Rà soát, cập nhật, bổ sung quy định nội bộ của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật.
- Đã phê duyệt kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2024 theo định hướng rủi ro và quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
- Chỉ đạo KTNB xây dựng và hoàn thiện các quy trình kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán nội bộ để nâng cao năng suất lao động, chất lượng hoạt động của kiểm toán nội bộ.
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.
- Thực hiện và chỉ đạo thực hiện các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan chức năng theo quy định pháp luật.

IV. KIẾN NGHỊ

Qua báo cáo trình bày trên, Ban kiểm soát kính đề nghị:

- HĐQT và TGD tiếp tục phát huy công tác quản trị, điều hành phù hợp với xu hướng chung của thị trường và quy định của Ngân hàng Nhà nước, để đưa OCB hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.
- ĐHĐCĐ xem xét thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và tờ trình phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập và các báo cáo khác được trình trước Đại Hội.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Quý vị cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT, BKS.



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB);

Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng - chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất và riêng lẻ cho năm kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét thông qua các nội dung sau:

I. Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Dựa trên danh sách các công ty kiểm toán đã được HĐQT trình ĐHCĐ thông qua. HĐQT đã chọn công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2023. Các kết quả kiểm toán đã được OCB đăng tải toàn văn trên website của Ngân hàng (<https://www.ocb.com.vn/>).

Căn cứ trên kết quả kiểm toán độc lập và kết quả thẩm định BCTC. HĐQT trình ĐHCĐ phê duyệt BCTC hợp nhất và riêng lẻ cho năm kết thúc ngày 31/12/2023 của OCB đã được kiểm toán (BCTC riêng lẻ và hợp nhất đính kèm).

II. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2023

ĐVT: đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
A1	Lợi nhuận trước thuế	4.139.476.155.259
A2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	4.178.887.364.571
B	Thuế thu nhập doanh nghiệp	836.173.454.643
C	Lợi nhuận sau thuế	3.303.302.700.616

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
D	Trích lập các quỹ theo quy định	495.352.469.542
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	165.117.489.847
2	Quỹ dự phòng tài chính	330.234.979.695
E	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định	2.807.950.231.074
1	Trích lập quỹ phúc lợi	24.040.632.157
2	Trích lập quỹ khen thưởng	14.040.632.157
F	Lợi nhuận còn lại năm 2023 của cổ đông	2.769.868.966.760
G	Lợi nhuận còn lại của các năm trước 2023	2.537.481.787.954
H	Tổng lợi nhuận còn lại	5.307.350.754.714
	Phương án phân phối lợi nhuận	
1	Vốn điều lệ hiện tại	20.548.242.940.000
2	Vốn điều lệ nhận cổ tức	20.548.242.940.000
3	Cổ tức (Tỷ lệ 20%)	4.109.648.580.000
3.1	Cổ tức bằng tiền mặt	-
3.2	Cổ tức bằng cổ phiếu	4.109.648.580.000
4	Lợi nhuận chưa phân phối	1.197.702.174.714



Kính trình ĐHCĐ thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH ^{TC}



TRỊNH VĂN TUẤN

Nơi nhận:

- Các cổ đông;

- Thành viên HĐQT;

- Thành viên BKS;

- Tổng Giám đốc;

- Lưu VP.HĐQT ^{TC}





Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0061/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 13 tháng 4 năm 1996 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300852005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và được điều chỉnh lần thứ 39 vào ngày 08 tháng 12 năm 2023. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 1996.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; hùn vốn, liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép; đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật; kinh doanh trái phiếu theo quy định của pháp luật; cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng; tái chiết khấu giấy tờ có giá; phát hành thẻ tín dụng; bảo lãnh ngân hàng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; tham gia đấu thầu mua bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; dịch vụ môi giới tiền tệ; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu, tín phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; mua nợ; kinh doanh, mua bán vàng miếng, cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Yoshizawa Toshiki	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Tri Nguyên	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Trung	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Kato Shin	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Đình Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Thúy Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Đặng Thị Quý	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Đình Tùng	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 8 năm 2021
Ông Trương Đình Long	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022
Bà Huỳnh Lê Mai	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Ông Trương Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
Ông Bùi Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2023
Bà Trương Ngọc Thanh	Kế Toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023
Ông Trần Quốc Khánh	Kế Toán Trưởng	Từ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2023
		Bổ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2023
Ông Roy Anirban	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2023
		Từ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Văn Tuấn, Chủ tịch HĐQT.

Ông Nguyễn Đình Tùng - Tổng Giám đốc được ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 48/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con (sau đây gọi chung là "Ngân hàng") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Nguyễn Đình Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 60758138/67591350-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông và Công ty con (sau đây được gọi chung là "Ngân hàng") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 75, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

180
IG T
IEM H
& YI
T NA
HO

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	779.733.563.086	793.464.354.495
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	6.965.365.039.785	3.225.386.957.711
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		33.900.216.479.510	20.636.255.208.899
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	32.303.914.945.061	18.426.225.031.606
Cho vay các TCTD khác	7.2	1.596.301.534.449	2.210.030.177.293
Chứng khoán kinh doanh	8	-	142.837.500.000
Chứng khoán kinh doanh		-	142.837.500.000
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	41.473.565.365	360.044.007.067
Cho vay khách hàng		144.704.316.896.607	118.220.309.912.203
Cho vay khách hàng	10	147.206.466.215.571	119.802.569.762.625
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(2.502.149.318.964)	(1.582.259.850.422)
Hoạt động mua nợ	12	546.768.250.000	661.997.500
Mua nợ		550.900.000.000	667.000.000
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(4.131.750.000)	(5.002.500)
Chứng khoán đầu tư	13	40.291.755.021.791	37.333.104.826.049
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		40.331.397.720.516	37.367.365.873.931
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(39.642.698.725)	(34.261.047.882)
Tài sản cố định	14	554.565.039.650	583.606.445.091
Tài sản cố định hữu hình	14.1	269.540.873.296	278.874.747.262
Nguyên giá tài sản cố định		783.657.134.113	739.580.060.425
Khấu hao tài sản cố định		(514.116.260.817)	(460.705.313.163)
Tài sản cố định vô hình	14.2	285.024.166.354	304.731.697.829
Nguyên giá tài sản cố định		581.433.546.142	555.866.230.889
Hao mòn tài sản cố định		(296.409.379.788)	(251.134.533.060)
Tài sản Có khác	15	12.330.080.871.665	12.698.566.641.677
Các khoản phải thu	15.1, 15.2	7.866.786.309.830	7.370.512.044.658
Các khoản lãi, phí phải thu	15.3	2.528.258.177.998	1.936.731.434.792
Tài sản Có khác	15.4	1.939.836.383.837	3.396.123.162.227
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15.5	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
TỔNG TÀI SẢN		240.114.274.727.459	193.994.237.850.692

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước			
		94.394.453.562	2.594.629.745.606
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	16	94.394.453.562	2.594.629.745.606
Tiền gửi và vay các TCTD khác			
Tiền gửi của các TCTD khác	17.1	31.039.865.195.767	22.638.642.858.433
Vay các TCTD khác	17.2	27.227.630.888.883	20.066.839.186.311
		3.812.234.306.884	2.571.803.672.122
Tiền gửi của khách hàng	18	125.945.932.418.559	102.203.189.310.223
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19	4.358.195.253.813	3.168.474.390.481
Phát hành giấy tờ có giá	20	37.808.325.000.000	32.022.737.500.000
Các khoản nợ khác			
Các khoản lãi, phí phải trả	21	12.331.858.934.888	6.094.324.663.117
Các khoản phải trả và công nợ khác	22	4.694.175.199.277	2.882.487.376.181
		7.637.683.735.611	3.211.837.286.936
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		211.578.571.256.589	168.721.998.467.860
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD			
Vốn điều lệ	24.2	20.601.514.927.348	15.401.514.927.348
Thặng dư vốn cổ phần	24.1	20.548.242.940.000	13.698.828.630.000
		53.271.987.348	1.702.686.297.348
Quỹ của TCTD	24.3	2.588.756.524.494	2.793.404.054.952
Lợi nhuận chưa phân phối		5.345.432.019.028	7.077.320.400.532
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	28.535.703.470.870	25.272.239.382.832
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		240.114.274.727.459	193.994.237.850.692

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

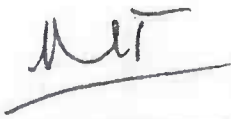
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	38	166.218.248.044.071	80.901.204.928.532
- Bảo lãnh vay vốn		27.951.235.279	30.720.268.951
- Cam kết giao dịch hối đoái		158.389.419.615.570	66.176.116.111.944
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		296.243.446.052	379.375.922.149
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		296.226.105.852	380.196.244.471
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		157.796.950.063.666	65.416.543.945.324
- Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.285.464.740.750	3.402.915.058.466
- Bảo lãnh khác		6.515.412.452.472	9.424.253.489.171
- Các cam kết khác		-	1.867.200.000.000
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	39	2.687.354.712.757	3.247.291.248.287
Nợ khó đòi đã xử lý	40	10.211.698.707.052	7.794.649.149.386
Tài sản và chứng từ khác	41	27.283.410.619.395	31.352.810.601.975
		206.400.712.083.275	123.295.955.928.180

Người lập:




Bà Trương Ngọc Thanh
Trưởng phòng Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Văn Cường
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đình Tùng
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	18.126.740.691.299	14.067.732.085.064
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(11.361.222.432.425)	(7.120.149.043.887)
Thu nhập lãi thuần		6.765.518.258.874	6.947.583.041.177
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		997.503.692.240	1.124.580.409.488
Chi phí hoạt động dịch vụ		(115.440.748.295)	(110.406.103.023)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	882.062.943.945	1.014.174.306.465
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	389.064.968.099	145.113.883.664
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	1.496.347.500	(77.265.017.750)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	31	646.561.649.571	(140.196.342.607)
Thu nhập từ hoạt động khác		1.499.975.125.029	783.661.855.763
Chi phí hoạt động khác		(1.246.552.733.976)	(139.500.228.447)
Lãi thuần từ hoạt động khác	32	253.422.391.053	644.161.627.316
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		8.938.126.559.042	8.533.571.498.265
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	33	(3.171.425.038.560)	(3.076.802.357.805)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		5.766.701.520.482	5.456.769.140.460
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(1.627.225.365.223)	(1.067.461.492.385)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		4.139.476.155.259	4.389.307.648.075
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(836.173.454.643)	(879.589.703.439)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(836.173.454.643)	(879.589.703.439)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		3.303.302.700.616	3.509.717.944.636
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	1.594	1.689

Người lập:



Bà Trương Ngọc Thanh
Trưởng phòng Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Văn Cường
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đình Tùng
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		17.929.055.213.599	13.591.395.433.199
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.438.709.686.228)	(6.470.355.792.631)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		871.248.051.788	1.014.151.753.665
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		1.042.504.616.013	(50.123.024.708)
Thu nhập khác		239.809.079.594	310.477.615.501
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	86.690.315.928	351.078.636.811
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(3.110.171.374.359)	(2.993.178.684.445)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	23	(865.017.764.120)	(873.300.189.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		6.755.408.452.215	4.880.145.747.762
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		613.728.642.844	(746.913.298.251)
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.821.194.346.585)	8.035.225.446.983
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		318.570.441.702	(234.237.166.707)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(25.046.204.474.079)	(17.751.836.724.170)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	11	(703.276.451.916)	(601.301.819.126)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(1.764.715.431.571)	(644.320.388.069)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(2.500.235.292.044)	2.464.022.788.555
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		8.401.222.337.334	(9.399.381.469.144)
Tăng tiền gửi của khách hàng		23.742.743.108.336	3.398.576.534.679
Tăng phát hành giấy tờ có giá		5.785.587.500.000	9.394.087.500.000
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		1.189.720.863.332	(1.827.928.447.788)
Tăng khác về công nợ hoạt động		2.670.662.148.197	1.322.779.530.704
Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	22	(6.547.777.779)	(7.173.752.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		16.635.469.719.986	(1.718.255.517.371)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(381.839.983.500)	(3.134.726.710.532)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.350.311.713.634	1.600.232.775.204
Lưu chuyển tiền từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		968.471.730.134	(1.534.493.935.328)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(4.246.000)	(7.733.380)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(4.246.000)	(7.733.380)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.603.937.204.120	(3.252.757.186.079)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	35	22.445.076.343.812	25.697.833.529.891
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	35	40.049.013.547.932	22.445.076.343.812

Người lập:



Bà Trương Ngọc Thanh
Trưởng phòng Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Văn Cường
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đình Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0061/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 13 tháng 4 năm 1996 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300852005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và được điều chỉnh lần thứ 39 vào ngày 08 tháng 12 năm 2023. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 1996.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; hùn vốn, liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán giữa các khách hàng; thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép; đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật; kinh doanh trái phiếu theo quy định của pháp luật; cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng; tái chiết khấu giấy tờ có giá; phát hành thẻ tín dụng; bảo lãnh ngân hàng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; tham gia đấu thầu mua bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; dịch vụ môi giới tiền tệ; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu, tín phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; mua nợ; kinh doanh, mua bán vàng miếng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Yoshizawa Toshiki	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Tri Nguyen	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Trung	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Kato Shin	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Đình Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Thúy Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Đặng Thị Quý	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Đình Tùng	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 8 năm 2021
Ông Trương Đình Long	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022
Bà Huỳnh Lê Mai	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Ông Trương Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
Ông Bùi Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2023
Bà Trương Ngọc Thanh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023
Ông Trần Quốc Khánh	Kế toán trưởng	Từ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2023
Ông Roy Anirban	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 09 năm 2023
		Từ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2023
		Từ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Văn Tuấn, Chủ tịch HĐQT.

Ông Nguyễn Đình Tùng - Tổng Giám đốc được ông Trịnh Văn Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 48/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ngân hàng có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Ngân hàng đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Ngân hàng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.



Ong Nguyễn Đình Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 60758138/67591350-RL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 76, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better
working world

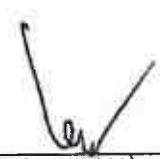
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1


Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD

	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	779.733.563.086	793.464.354.495
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	6.965.365.039.785	3.225.386.957.711
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		33.900.216.479.510	20.636.252.958.218
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	32.303.914.945.061	18.426.222.780.925
Cho vay các TCTD khác	7.2	1.596.301.534.449	2.210.030.177.293
Chứng khoán kinh doanh	8	-	142.837.500.000
Chứng khoán kinh doanh		-	142.837.500.000
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	41.473.565.365	360.044.007.067
Cho vay khách hàng		144.704.316.896.607	118.220.309.912.203
Cho vay khách hàng	10	147.206.466.215.571	119.802.569.762.625
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(2.502.149.318.964)	(1.582.259.850.422)
Hoạt động mua nợ	12	546.768.250.000	661.997.500
Mua nợ		550.900.000.000	667.000.000
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(4.131.750.000)	(5.002.500)
Chứng khoán đầu tư	13	40.291.755.021.791	37.333.104.826.049
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		40.331.397.720.516	37.367.365.873.931
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(39.642.698.725)	(34.261.047.882)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	14	25.000.000.000	24.814.658.846
Đầu tư vào công ty con		25.000.000.000	25.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(185.341.154)
Tài sản cố định		553.659.164.650	583.159.070.091
Tài sản cố định hữu hình	15.1	269.540.873.296	278.874.747.262
Nguyên giá tài sản cố định		783.657.134.113	739.580.060.425
Khấu hao tài sản cố định		(514.116.260.817)	(460.705.313.163)
Tài sản cố định vô hình	15.2	284.118.291.354	304.284.322.829
Nguyên giá tài sản cố định		580.023.546.142	555.056.230.889
Hao mòn tài sản cố định		(295.905.254.788)	(250.771.908.060)
Tài sản Có khác	16	12.329.766.954.638	12.697.819.493.469
Các khoản phải thu	16.1, 16.2	7.866.477.939.468	7.369.947.883.113
Các khoản lãi, phí phải thu	16.3	2.528.258.177.998	1.936.731.434.792
Tài sản Có khác	16.4	1.939.830.837.172	3.395.940.175.564
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bằng khác	16.5	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
TỔNG TÀI SẢN		240.138.054.935.432	194.017.855.735.649

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD

	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước			
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	17	94.394.453.562	2.594.629.745.606
Tiền gửi và vay các TCTD khác			
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	27.227.630.888.883	20.066.839.186.311
Vay các TCTD khác	18.2	3.812.234.306.884	2.571.803.672.122
Tiền gửi của khách hàng	19	125.968.487.476.629	102.229.728.615.356
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	20	4.358.195.253.813	3.168.474.390.481
Phát hành giấy tờ có giá	21	37.808.325.000.000	32.022.737.500.000
Các khoản nợ khác			
Các khoản lãi, phí phải trả	22	4.696.630.760.920	2.882.632.937.824
Các khoản phải trả và công nợ khác	23	7.637.557.693.082	3.208.921.770.661
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		211.603.455.833.773	168.745.767.818.361
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD			
Vốn điều lệ	25.2	20.601.514.927.348	15.401.514.927.348
Thặng dư vốn cổ phần	25.1	20.548.242.940.000	13.698.828.630.000
		53.271.987.348	1.702.686.297.348
Quỹ của TCTD	25.3	2.588.756.524.494	2.793.404.054.952
Lợi nhuận chưa phân phối		5.344.327.649.817	7.077.168.934.988
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	25	28.534.599.101.659	25.272.087.917.288
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		240.138.054.935.432	194.017.855.735.649

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02/TCTD

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	39	166.218.248.044.071	80.901.204.928.532
- Bảo lãnh vay vốn		27.951.235.279	30.720.268.951
- Cam kết giao dịch hối đoái		158.389.419.615.570	66.176.116.111.944
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		296.243.446.052	379.375.922.149
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		296.226.105.852	380.196.244.471
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		157.796.950.063.666	65.416.543.945.324
- Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.285.464.740.750	3.402.915.058.466
- Bảo lãnh khác		6.515.412.452.472	9.424.253.489.171
- Các cam kết khác		-	1.867.200.000.000
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	40	2.687.354.712.757	3.247.291.248.287
Nợ khó đòi đã xử lý	41	10.211.698.707.052	7.794.649.149.386
Tài sản và chứng từ khác	42	27.283.410.619.395	31.352.810.601.975
		206.400.712.083.275	123.295.955.928.180

Người lập:



Bà Trương Ngọc Thanh
Trưởng phòng Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Văn Cường
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đình Tùng
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03/TCTD

	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	18.126.740.689.099	14.067.731.941.564
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(11.363.534.056.698)	(7.121.547.012.939)
Thu nhập lãi thuần		6.763.206.632.401	6.946.184.928.625
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		997.491.617.180	1.124.566.731.130
Chi phí hoạt động dịch vụ		(115.337.751.825)	(110.260.212.678)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	882.153.865.355	1.014.306.518.452
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	389.064.926.979	145.118.554.754
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	1.496.347.500	(77.265.017.750)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	31	646.561.649.571	(140.196.342.607)
Thu nhập từ hoạt động khác		1.499.944.064.869	783.661.855.763
Chi phí hoạt động khác		(1.246.552.733.976)	(139.500.228.447)
Lãi thuần từ hoạt động khác	32	253.391.330.893	644.161.627.316
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	33	-	853.080.106
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		8.935.874.752.699	8.533.163.348.896
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	34	(3.170.408.245.675)	(3.075.687.143.819)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		5.765.466.507.024	5.457.476.205.077
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(1.627.225.365.223)	(1.067.461.492.385)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		4.138.241.141.801	4.390.014.712.692
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	(835.891.344.852)	(879.589.703.439)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(835.891.344.852)	(879.589.703.439)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		3.302.349.796.949	3.510.425.009.253

Người lập:



Bà Trương Ngọc Thanh
Trưởng phòng Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Văn Cường
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đình Tùng
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04/TCTD

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		17.929.055.211.399	13.591.395.289.699
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.438.711.310.501)	(6.471.608.200.040)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		871.338.973.198	1.014.283.965.652
Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		1.042.504.574.893	(50.118.353.618)
Thu nhập khác		239.778.019.434	310.477.615.501
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	86.690.315.928	351.078.636.811
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(3.109.478.862.626)	(2.991.985.819.303)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	24	(865.011.430.481)	(873.300.189.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		6.756.165.491.244	4.880.222.945.072
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		613.728.642.844	(746.913.298.251)
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.821.194.346.585)	8.035.225.446.983
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		318.570.441.702	(234.237.166.707)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(25.046.204.474.079)	(17.751.836.724.170)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	11	(703.276.451.916)	(601.301.819.126)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(1.764.971.222.754)	(644.342.834.574)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(2.500.235.292.044)	2.464.022.788.555
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		8.401.222.337.334	(9.399.381.469.144)
Tăng tiền gửi của khách hàng		23.738.758.861.273	3.398.138.768.577
Tăng phát hành giấy tờ có giá		5.785.587.500.000	9.394.087.500.000
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		1.189.720.863.332	(1.827.928.447.788)
Tăng khác về công nợ hoạt động		2.673.727.398.095	1.322.358.148.220
Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	23	(6.547.777.779)	(7.173.752.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		16.635.051.970.667	(1.719.059.915.152)



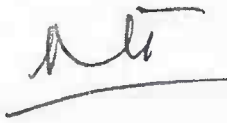
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04/TCTD

	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(381.419.983.500)	(3.134.726.710.532)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.350.311.713.634	1.600.232.775.204
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	33	-	853.080.106
Lưu chuyển tiền từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		968.891.730.134	(1.533.640.855.222)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(4.246.000)	(7.733.380)
Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(4.246.000)	(7.733.380)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.603.939.454.801	(3.252.708.503.754)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	36	22.445.074.093.131	25.697.782.596.885
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	36	40.049.013.547.932	22.445.074.093.131

Người lập:



Bà Trương Ngọc Thanh
Trưởng phòng Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Văn Cường
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đình Tùng
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TĂNG VỐN NĂM 2023

Năm 2023, OCB đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023 bằng hình thức phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, vốn điều lệ của OCB đã tăng từ 13.698.828.630.000 đồng lên 20.548.242.940.000 đồng.

II. MỤC ĐÍCH, NHU CẦU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024

Với kế hoạch tăng trưởng quy mô kinh doanh liên tục hàng năm, việc tăng vốn điều lệ là cần thiết để giúp Ngân hàng nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo hệ số an toàn vốn (CAR) theo quy định của các cơ quan chức năng, cụ thể:

- Tăng trưởng quy mô, tăng năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và đáp ứng kế hoạch mở rộng mạng lưới giao dịch của OCB.
- Tiếp tục đầu tư cho các hệ thống công nghệ phục vụ cho việc hiện đại hóa Ngân hàng, hỗ trợ cho việc phát triển sản phẩm mới, tăng trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng.
- Đẩy mạnh hoạt động tín dụng, kinh doanh vốn hiệu quả hơn nữa.
- Phát triển ổn định đội ngũ chất lượng nhân sự.

III. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024

1. Mức vốn điều lệ tăng thêm trong năm 2024: 4.168.472.110.000 đồng

ĐVT: đồng

Vốn điều lệ hiện tại	20.548.242.940.000
Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2024:	4.168.472.110.000
Trong đó:	
(1) Tăng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	4.109.648.580.000
(2) Tăng do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	50.000.000.000
(3) Tăng do phát hành cổ phiếu riêng lẻ	8.823.530.000
Vốn điều lệ sau khi tăng	24.716.715.050.000

2. Đối tượng thực hiện:

2.1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (4.109.648.580.000 đồng);

- 2.2. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (50.000.000.000 đồng); và
- 2.3. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (8.823.530.000 đồng).
3. Kế hoạch thực hiện: Thời gian phát hành, thứ tự thực hiện và thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

IV. CHI TIẾT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024

1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

1. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông
2. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
3. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành	2.054.824.294
5. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	2.054.824.294
6. Số lượng từng loại cổ phần ưu đãi	Không có cổ phiếu ưu đãi
7. Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có cổ phiếu quỹ
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	410.964.858 cổ phiếu
9. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	4.109.648.580.000 đồng
10. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	20%
11. Nguồn vốn sử dụng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2023, xác định theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
12. Thời gian thực hiện	Ngay sau khi được chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phần lẻ cộng dồn phát sinh sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn, danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn, thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn theo Phụ lục 1,2 và 3 đính kèm.

2. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động:

1. Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Phương Đông
2. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông
3. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
5. Hình thức chào bán	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
6. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến	5.000.000 cổ phiếu
7. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (theo mệnh giá)	50.000.000.000 đồng
8. Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
9. Tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình	Cán bộ nhân viên OCB theo tiêu chuẩn và danh sách do HĐQT quyết định
10. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phát hành cho từng đối tượng	Do Hội đồng quản trị quyết định
11. Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần mới phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (và cổ tức bằng cổ phiếu phát sinh từ các cổ phiếu này) chịu hạn chế chuyển nhượng 04 năm kể từ ngày phát hành, mỗi năm được giải tỏa 25%.
12. Thời gian thực hiện	Thời gian thực hiện cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở Giấy phép/chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và điều kiện thị trường phù hợp.

3. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

1. Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Phương Đông
2. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông
3. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
5. Hình thức chào bán	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
6. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến	Tối đa 882.353 cổ phiếu

7. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (theo mệnh giá)	Tối đa 8.823.530.000 đồng
8. Giá chào bán dự kiến	Không thấp hơn giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm cuối quý gần nhất tại thời điểm phát hành
9. Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần mới chào bán trong đợt chào bán riêng lẻ chịu hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa OCB và các nhà đầu tư
10. Nhà đầu tư được chào bán và tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chào bán	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư được chào bán là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài - Nhà đầu tư được chào bán do Hội đồng quản trị xác định đáp ứng tiêu chí nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật chứng khoán
11. Việc phát hành cổ phiếu đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại OCB	ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định phương án bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty
12. Thời gian thực hiện:	Thời gian thực hiện cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở Giấy phép/chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và điều kiện thị trường phù hợp.

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ phát hành

Số tiền thu được từ việc tăng vốn sẽ được sử dụng như sau:

ĐVT: đồng

a. Mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất	1.203.983.780.738
<u>Trong đó:</u>	
- Đầu tư công nghệ thông tin	210.198.000.000
- Nâng cấp tài sản, xây dựng cơ bản	860.068.386.000
- Trang bị tài sản cố định, công cụ lao động	133.717.394.738
b. Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đầu tư và cho vay	2.964.488.329.262
TỔNG CỘNG	4.168.472.110.000

2. Thời gian phát hành: Thời điểm cụ thể việc phát hành do HĐQT quyết định.

3. Tính toán các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 sau khi tăng vốn:

ĐVT: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh	
				KH 2024 & TH 2023	
				+/-	%
1	Tổng tài sản	240.114	286.562	46.448	19%
2	Tổng huy động TT1	168.112	197.346	29.234	17%
3	Tổng dư nợ TT1 (*)	148.005	177.592	29.586	20%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,02%	< 3,00%		
5	Lợi nhuận trước thuế	4.139	6.885	2.746	66%
6	ROAA (**)	1,52%	2,06%	0,54%	35%
7	ROAE (***)	11,99%	17,11%	5,12 %	43%
8	Tỷ lệ an toàn vốn CAR TT41	13,30%	> 11,00%		

(*) Chỉ tiêu Tổng dư nợ TT1 sẽ được điều chỉnh theo hạn mức tăng trưởng tín dụng NHNN phê duyệt.

(**) ROAA = Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân, trong đó: Tổng tài sản bình quân là bình quân số dư tổng tài sản thời điểm cuối các quý trong năm báo cáo.

(***) ROAE = Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân, trong đó: Vốn chủ sở hữu bình quân là bình quân số dư vốn chủ sở hữu thời điểm cuối các quý trong năm báo cáo.

4. Khả năng quản trị, quản lý, giám sát của OCB

Với năng lực hiện tại, OCB có đủ khả năng quản trị, quản lý và giám sát phù hợp với quy mô vốn mới như sau:

- Hội đồng Quản trị OCB gồm những thành viên có bề dày kinh nghiệm trong kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; Ban Điều hành OCB ổn định, có chuyên môn cao, đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu phát triển của OCB trong tương lai.
- OCB tập trung vào công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, để nâng cao năng lực cạnh tranh và chuẩn bị cho quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.
- Đã hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro ngân hàng theo 03 cấp độ: kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ được vận hành bởi đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, tính tuân thủ rất cao, ý thức chấp hành quy định pháp luật được ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó, OCB ngày càng hoàn thiện quy trình tác nghiệp theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và chuẩn mực quốc tế.
- Tình hình tài chính của OCB lành mạnh, đáp ứng các chỉ tiêu của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định; với tình hình tài chính như hiện nay, OCB đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Từ những yếu tố then chốt trên, OCB đủ khả năng quản trị, điều hành và giám sát vận hành Ngân hàng theo quy mô vốn mới.

VI. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG SAU

1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ 2024 của OCB với các nội dung nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Lập phương án phát hành chi tiết và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đảm bảo lợi ích cổ đông và Ngân hàng;
 - Quyết định thực hiện việc tăng vốn tổng thể hoặc từng phần của phương án trên, quyết định thứ tự phát hành. OCB có thể thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức trước, thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành riêng lẻ sau; hoặc thực hiện cùng lúc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành riêng lẻ; hoặc không thực hiện một hoặc hai trong ba phương thức phương án phát hành (phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu ESOP, phát hành riêng lẻ) nhằm tuân thủ quy định pháp luật và tình hình thực tế của OCB.
 - Quyết định bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh toàn bộ các vấn đề, nội dung của Phương án tăng vốn điều lệ (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ; thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối/phát hành hết phát sinh trong quá trình triển khai Phương án tăng vốn điều lệ.
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng cụ thể sẽ phát hành, tỷ lệ phát hành, đảm bảo mức tối đa không vượt quá tổng số cổ phần phát hành thêm theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu mới niêm yết theo quy định pháp luật;
 - Quyết định đối tượng bán, số lượng, giá bán, thời điểm bán cổ phần một cách có lợi nhất cho OCB và theo đúng quy định của Nhà nước;
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; ban hành quy chế ESOP để thực hiện phương án tăng vốn, quy định việc mua lại cổ phiếu của người lao động nghỉ việc; thông qua đối tượng được chào bán riêng lẻ là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng nhà đầu tư; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Thông qua kết quả phát hành, thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - Cho phép Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc nêu trên.
2. Thông qua nội dung sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu nêu tại Điều lệ OCB theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất Phương án tăng vốn điều lệ và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ sửa đổi, cập nhật việc tăng vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế vào Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT.



TRỊNH VĂN TUẤN





Niềm tin và thịnh vượng

Phụ lục 01

Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (so với vốn có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2024)

STT	Tên cổ đông	CMND /CCCD /Hộ chiếu ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần trước khi tăng vốn		Tỷ lệ cổ phần sau khi tăng vốn	
						Tỷ lệ %/CP Biểu quyết	Tỷ lệ %/ VDL	Tỷ lệ %/CP Biểu quyết	Tỷ lệ %/ VDL
1	Các cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên								
1	Aozora Bank, Ltd	0100-01-016861	01/04/1957	Tokyo, Nhật Bản	6-1-1 Kojimachi, Chiyoda-ku, Tokyo 102-8660, Nhật Bản	15%	15%	15%	15%
1.1	Thông tin người đại diện theo pháp luật của Aozora								
	Hideto Omi			Nhật Bản		0%	0%	0%	0%
1.2	Thông tin người đại diện theo ủy quyền của Aozora								
1.2.1	Yoshizawa Toshiki			Nhật Bản		0%	0%	0%	0%
1.2.2	Kato Shin			Nhật Bản		0%	0%	0%	0%



Phụ lục 02

Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên
(so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2024)

STT	Tên cổ đông	CMND /CCCD /Hộ chiếu ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần trước khi tăng vốn		Tỷ lệ cổ phần sau khi tăng vốn	
						Tỷ lệ %/CP Biểu quyết	Tỷ lệ %/ VDL	Tỷ lệ %/CP Biểu quyết	Tỷ lệ %/ VDL
	Không có								





Phụ lục 03

Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

(trước và sau khi tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2024)

STT	Thông tin cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần trước khi tăng vốn điều lệ		Tỷ lệ sở hữu cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ	
		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông là cá nhân	1.672.049	0,081	2.006.445	0,081
2	Cổ đông là tổ chức	447.881.930	21,797	537.458.313	21,797
Tổng cộng		449.553.979	21,878	539.464.758	21,878

TỜ TRÌNH**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

V/v Báo cáo về thù lao, thưởng, chi phí khác năm 2023 và đề xuất thù lao, thưởng, chi phí khác năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông về thù lao, thưởng và các chi phí khác của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS);
- Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu hoạt động của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) trong những năm qua và năm 2024.

I. Báo cáo về thù lao, thưởng và các chi phí khác năm 2023:

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã phê duyệt tổng mức ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2023 là 42 tỷ đồng.
- Tính hết ngày 31/12/2023, thù lao, thưởng và các chi phí khác thực tế đã chi trả cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS như sau:

ĐVT: đồng

Đối tượng	Thù lao, thưởng	Chi phí khác	Tổng cộng
Hội đồng quản trị	23.345.874.000	3.794.067.513	27.139.941.513
Ban Kiểm soát	2.529.540.000	788.909.189	3.318.449.189
Tổng	25.875.414.000	4.582.976.702	30.458.390.702

- HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao, thưởng và các chi phí khác thực tế năm 2023 đã được chi trả thực tế cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS như trên.

II. HĐQT trình Đại hội đồng Cổ đông

Đề xuất thù lao, thưởng và các chi phí khác năm 2024 của HĐQT và BKS như sau:

1. Trích lập tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và các chi phí khác năm 2024 của HĐQT và BKS tối đa 48 tỷ đồng.
2. Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân bổ mức thù lao, thưởng và các chi phí khác đối với HĐQT, BKS trong tổng mức ngân sách hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nêu trên cho năm 2024 và giữa hai phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và 2025.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *HL*



TRỊNH VĂN TUẤN



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập của Ngân hàng TMCP Phương Đông.

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông;
- Căn cứ Thông tư 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v “Quy định về kiểm toán độc lập đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” và Thông tư 24/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 39/2011/TT-NHNN;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

1. Thông qua danh sách 04 (bốn) Công ty Kiểm toán độc lập sau đây cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), cụ thể:
 - Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
 - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
 - Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị giữa hai phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và 2025 quyết định lựa chọn và bổ nhiệm một trong bốn Công ty kiểm toán nêu trên (với điều kiện là công ty đó được phép hoạt động tại Việt Nam và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) thực hiện dịch vụ kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính cho OCB.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong năm 2024 cho đến phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định để kiểm toán các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông như sau:

- Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) đã được xây dựng và ban hành dựa trên cơ sở Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các quy định pháp luật liên quan.

Hiện nay, Quốc hội đã ban hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024. Do đó, Điều lệ OCB cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng mới.

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:
 - Thông qua dự thảo Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông sửa đổi, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 (đính kèm).
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh dự thảo Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông trên cơ sở ý kiến tham gia của cổ đông và ban hành, làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, ban hành Điều lệ kể cả việc bổ sung, thay đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các điều khoản và thời điểm ban hành cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Trân trọng.



Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRỊNH VĂN TUẤN





NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG
ORIENT COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

ĐIỀU LỆ



TP. HCM, NĂM 2024



ĐIỀU LỆ**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG****PHẦN MỞ ĐẦU**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của OCB được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông của OCB quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông tổ chức ngày 15 tháng 04 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

Chương I**ĐỊNH NGHĨA VÀ ÁP DỤNG DẪN CHIẾU****Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ**

1. **“OCB”** có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông.
2. **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là thời gian OCB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. OCB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.
3. **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần của OCB đã bán cho cổ đông.
4. **“Cổ đông”** là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của OCB.
5. **“Cổ đông sáng lập”** có nghĩa là Cổ đông tham gia vào việc thông qua Điều lệ đầu tiên của OCB.
6. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông của OCB sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
7. **“Sở hữu gián tiếp”** là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của OCB thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ.
8. **“Sổ đăng ký Cổ đông”** là một tài liệu bằng văn bản và tệp dữ liệu điện tử. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
9. **“Cổ phần”** là vốn điều lệ của OCB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng.
10. **“Cổ phiếu”** là chứng chỉ do OCB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của OCB. Cổ phiếu của OCB là cổ phiếu ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
11. **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.

12. **“Công ty con” của OCB** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- OCB hoặc OCB và người có liên quan của OCB sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - OCB có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - OCB có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
 - OCB hoặc OCB và người có liên quan của OCB trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó
13. **“Công ty liên kết”** của OCB là công ty mà OCB hoặc OCB và người có liên quan của OCB sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của OCB.
14. **“Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị”** là thành viên Hội đồng Quản trị bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này.
15. **“Người quản lý OCB”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
16. **“Người điều hành OCB”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của OCB.
17. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây :
- Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu

ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;

- e) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm d khoản này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - f) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;
 - g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.
18. “**Tổ chức lại**” là việc OCB bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi.
19. “**NHNN**” là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
20. “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
21. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17-06-2020 và các sửa đổi, bổ sung.
22. “**Luật Các tổ chức tín dụng**” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 -01 - 2024 và các sửa đổi, bổ sung.
23. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
2. Các tiêu đề (chương, điều) của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông, được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0061/NHGP ngày 13-4-1996 do Thống đốc NHNN cấp, có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam và có các đặc điểm theo các khoản từ khoản 2 đến khoản 9 của Điều này.
2. Tên Ngân hàng:
 - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt Nam: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG.**
 - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **ORIENT COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.**

- c) Tên viết tắt: NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG hoặc OCB.
3. Trụ sở chính:
- a) Địa chỉ: Số 41 và 45 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
 - b) Điện thoại: (84) 08.38220 960
 - c) Fax: (84) 08.38220 963
 - d) Email: ocb@ocb.com.vn
 - e) Website: www.ocb.com.vn
4. Người đại diện theo pháp luật của OCB là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Người đại diện theo pháp luật của OCB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của OCB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
5. OCB được mở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Vốn điều lệ của OCB tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 20.548.242.940.000 đồng. Tổng số vốn điều lệ của OCB được chia thành 2.054.824.294 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
7. OCB có con dấu riêng theo quy định của pháp luật; có tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
8. OCB có Bảng cân đối kế toán và các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
9. Thời hạn hoạt động của OCB là 99 năm, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. OCB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

Chương III

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của OCB là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng được quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của OCB, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật nhằm phục vụ cho các đối tượng khách hàng theo đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra.
2. Mục tiêu của OCB là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam; tìm kiếm lợi nhuận, có tích lũy vốn để tái đầu tư, mở rộng hoạt động nhằm gia tăng lợi ích cho Cổ đông, thu nhập của người lao động và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước.

Điều 5. Nội dung và phạm vi hoạt động

1. Hoạt động ngân hàng:

- a) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
 - b) Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
 - c) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
 - Thư tín dụng;
 - Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
 - d) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
 - e) Cung ứng các phương tiện thanh toán.
 - f) Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
2. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá:
- a) OCB được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - b) OCB được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - c) OCB được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
 - d) OCB được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Mở tài khoản:
- a) OCB phải mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
 - b) OCB được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
 - c. OCB được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
4. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán
- a) OCB được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

- b) OCB được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
5. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh
- a) OCB được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:
- Ngoại hối;
 - Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
- b) Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của OCB cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
6. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý
- a) OCB được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- b) OCB được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
7. Hoạt động kinh doanh bất động sản:
- OCB không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:
- a) Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của OCB;
- b) Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của OCB chưa sử dụng hết;
- c) Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, OCB phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại điểm a khoản này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật Các tổ chức tín dụng.
8. Các hoạt động kinh doanh khác
- a) OCB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:
- Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
 - Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác theo quy định pháp luật.
 - Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - Kinh doanh vàng;
 - Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

b) OCB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

- Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Phát hành trái phiếu;
- Lưu ký chứng khoán;
- Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
- Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c) OCB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan hoặc sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

d) Gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

e) Mua nợ.

9. Phạm vi hoạt động: OCB có phạm vi kinh doanh và hoạt động ở cả trong nước và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần

1. OCB chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.
2. OCB phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. OCB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. OCB được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định nêu trên sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
5. OCB thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

6. OCB, công ty con của OCB được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
7. OCB không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, của người quản lý của OCB.
8. OCB không được mua cổ phần, góp vốn của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là Cổ đông, thành viên góp vốn của OCB.

Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, OCB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI, Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Vốn điều lệ của OCB

1. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần của OCB đã bán cho cổ đông.
2. Vốn điều lệ của OCB có thể được tăng từ các nguồn sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - d) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ của OCB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
4. OCB phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của OCB phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
3. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để OCB thay đổi vốn điều lệ theo quy định của NHNN, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 10. Vốn hoạt động của OCB

1. Vốn chủ sở hữu:
 - a) Vốn điều lệ;
 - b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;

- c) Thặng dư vốn cổ phần;
 - d) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính;
 - e) Lợi nhuận được để lại.
2. Vốn huy động:
 - a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
 - b) Vay các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
 - c) Vay NHNN;
 - d) Phát hành các giấy tờ có giá.
 3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sử dụng vốn, tài sản

1. OCB được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh.
2. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh của OCB được thực hiện theo quy định của Hội đồng Quản trị.

Điều 12. Tỷ lệ bảo đảm an toàn

1. OCB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
 - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 08% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
 - c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - d) Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.
2. OCB tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải ký quỹ tiền tại Ngân hàng Nhà nước, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của OCB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của OCB dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính tỷ lệ bảo đảm an toàn.

Chương V**CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU****Điều 13. Các loại cổ phần**

1. OCB có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.

2. OCB có thể có cổ phần ưu đãi cổ tức. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thường. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín dụng có lãi. Trường hợp OCB kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của OCB.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác của OCB không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do OCB phát hành. Người được mua và số lượng cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi cổ tức. Cổ phần ưu đãi cổ tức có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
4. OCB luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của OCB theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tỷ lệ sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của OCB.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của OCB.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của OCB. Cổ đông lớn của OCB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
 - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.
6. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại OCB là 22% vốn điều lệ. Trường hợp pháp luật có quy định khác thì thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 15. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do OCB phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của OCB. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của OCB;
 - b) Mã số doanh nghiệp;

- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
 - f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của OCB;
 - h) Số đăng ký tại sổ đăng ký Cổ đông của OCB và ngày phát hành cổ phiếu;
 - i) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do OCB phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của OCB phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với OCB.
 3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Cổ đông được OCB cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
 - a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả OCB để tiêu hủy;
 - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
 - c) Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10 triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của OCB có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị OCB cấp cổ phiếu mới.
 4. Cổ phiếu của OCB không được sử dụng để cầm cố tại chính OCB.
 5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phiếu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua, OCB có trách nhiệm phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông.

Điều 16. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của OCB (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có con dấu pháp nhân và chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của OCB, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 17. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở OCB;
 - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng Cổ đông OCB quyết định.
2. Trường hợp OCB phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ đông tại OCB thì sẽ được thực hiện theo quy định sau đây:
- a) OCB thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của Cổ đông. Thông báo phải được đăng báo trong 03 số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;
 - b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của Cổ đông tại OCB; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần Cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của OCB. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để Cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu Phiếu đăng ký mua do OCB phát hành;
 - c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - d) Nếu Phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về OCB đúng hạn như thông báo thì Cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;
 - e) Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông của OCB hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần của OCB được coi là đã bán khi được người mua thanh toán đủ tiền mua và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2, Điều 24 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông và kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của OCB.

Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại OCB là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của OCB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần

vốn góp của Nhà nước tại OCB.

2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch của OCB được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại OCB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ OCB có quyền yêu cầu OCB mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu OCB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến OCB trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. OCB phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. OCB giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của OCB

1. Với các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 21 của Điều lệ này, OCB có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 của Điều này.
2. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
3. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu OCB và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
4. OCB có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của OCB phải được thông báo bằng phương

thức để bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của OCB, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho OCB.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được OCB trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. OCB chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

- Việc OCB mua lại cổ phiếu của chính mình để làm cổ phiếu quỹ phải đáp ứng các điều kiện và thủ tục của pháp luật đối với công ty đại chúng và của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- Ngoài các hạn chế khác đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, OCB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của OCB.
- Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với OCB.

Điều 22. Phát hành trái phiếu

- OCB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Điều lệ OCB và Luật các tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.
- Trừ trường hợp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu (riêng lẻ và ra công chúng) bao gồm nhưng không giới hạn loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, lãi suất và thời điểm phát hành, phương án phát hành và các hồ sơ liên quan đến việc phát hành trái phiếu.

Chương VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý

- Cơ cấu tổ chức mạng lưới hoạt động của OCB:
 - OCB được mở chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, máy giao dịch tự động, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị trực thuộc khác trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, hướng dẫn của NHNN và các cơ Nhà nước có thẩm quyền;

- b) OCB có quyền đầu tư vốn, góp vốn thành lập, mua cổ phần, liên doanh liên kết để thành lập các công ty con, công ty trực thuộc, đơn vị trực thuộc trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Việc quyết định thành lập, tham gia góp vốn, rút vốn hay chấm dứt hoạt động của các đơn vị được quy định tại khoản 1 của Điều này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các cơ quan quản lý khác của OCB trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Cơ cấu tổ chức quản lý của OCB bao gồm:
 - a) Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Hội đồng Quản trị;
 - c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc.
4. Hội đồng Quản trị phải quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của OCB trong từng thời kỳ.
5. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định khác của pháp luật để bảo đảm việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

Chương VII

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông

1. OCB phải lập và lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký Cổ đông được lập bằng văn bản và tập dữ liệu điện tử.
2. Sổ đăng ký Cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của OCB;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký Cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông.

4. Xác lập danh sách Cổ đông:

- a) OCB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải bảo đảm Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với OCB trước thời điểm nói trên;
- b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của Cổ đông.

Điều 25. Quyền của Cổ đông**1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:**

- a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong OCB.
- d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của OCB hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB.
- e). Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.
- f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của OCB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại OCB khi OCB giải thể hoặc phá sản.
- h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.
- k) Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của OCB như sau. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 15% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 1 ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 15% đến dưới 25% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 25% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 3 ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 35% đến dưới 45% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 4 ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 45% đến dưới 55% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 5 ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 55% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được

đề cử tối đa 6 ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 7 ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 75% đến dưới 85% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 8 ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 85% đến dưới 95% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 9 ứng cử viên.

l) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của OCB;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của OCB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của OCB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ OCB.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ

đồng, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

5. Cổ đông là tổ chức có quyền cử 1 hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn 1 người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến OCB trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông;
 - Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại OCB;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
 - Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

Điều 26. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông OCB

- Cổ đông của OCB phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:
 - Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do OCB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của OCB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào OCB.
 - Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi OCB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của OCB, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại OCB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của OCB; không được góp vốn, mua cổ phần của OCB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của OCB;
 - Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - Chịu trách nhiệm khi nhân danh OCB dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Bảo mật thông tin được OCB cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được OCB cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho OCB thông

tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong OCB. OCB có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 27. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của OCB. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của OCB;
 - b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của OCB;
 - c) Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB;
 - đ) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - e) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho OCB và cổ đông của OCB;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của OCB;
 - h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i) Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
 - k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - l) Thông qua phương án quy định tại Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - m) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của OCB;
 - n) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - o) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của OCB;
 - p) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của tổ chức tín dụng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị

từ 20% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

r) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa OCB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của OCB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của OCB; công ty con, công ty liên kết của OCB, trừ trường hợp OCB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

s) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản OCB;

t) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 của Luật Các tổ chức tín dụng;

u) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của OCB.

v) Quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán hoạt động của OCB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.

x) Xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu sau thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

3. Quyết định về nội dung quy định tại các điểm a, d, e và s khoản 2 Điều này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Thảm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này và triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của tổ chức tín dụng;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 05 thành viên,

c) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn 05 thành viên;

d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 25, Điều lệ này;

e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;

g) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ của OCB.

2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d và điểm e, khoản 1 Điều này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm

trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với OCB.

- Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2, Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với OCB.

- Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 25, Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
- Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều lệ này sẽ được OCB hoàn lại.

Điều 29. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của OCB. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý OCB phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định nội bộ của OCB.

Điều 30. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông

- Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông

- báo mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 25, Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến OCB chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2, Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
 4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 31. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết;
 - c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và OCB phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 32. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 5 Điều 25 Điều lệ này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản.

Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 31, Điều lệ này.

Điều 34. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp cho đến ngày tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông, OCB thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ

tọa cuộc họp.

4. Chủ tọa có thể đề nghị một số người cùng tham gia Đoàn Chủ tịch để đồng chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản cuộc họp.
6. Đại hội đồng Cổ đông chỉ định Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Nếu Đại hội đồng Cổ đông không chỉ định thì Chủ tọa sẽ chỉ định Ban kiểm phiếu. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 người.
7. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
8. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
9. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 9, Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Chủ tọa của cuộc họp hoặc Thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lý và có trật tự hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
12. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.
13. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy

vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

14. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
 - a) Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của cuộc họp);
 - b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;
 - c) Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

Điều 35. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, OCB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số phiếu biểu quyết và các yếu tố khác nếu Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông xét thấy cần để Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền sử dụng biểu quyết tại cuộc họp. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, Chủ tọa quyết định thứ tự đếm số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:
 - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 và các điểm b, h, o và q khoản 3, Điều 27, Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c) Đối với các vấn đề quy định tại điểm a, d, f và q khoản 3, Điều 27, phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
4. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 51% hoặc 65% tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại các điểm a và b, khoản 3 Điều này.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu

cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng Cổ đông sẽ biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết để lựa chọn người có thứ tự ưu tiên như sau: Có thâm niên lâu hơn là thành viên HĐQT, vốn sở hữu cao hơn, có tuổi cao hơn (tính theo ngày tháng năm sinh); hoặc quyết định tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
7. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của OCB, trừ các trường hợp quy định tại điểm a, d, e và s khoản 3, Điều 27, Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của OCB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về OCB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về OCB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về OCB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý OCB. Biên bản

kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB;
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện theo tỷ lệ tương ứng quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 35 Điều lệ này và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách

- đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB.
 6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.

Điều 38. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.
4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại 39 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ OCB, trừ trường hợp quy định tại khoản

2 Điều 38 Điều lệ này;

4. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ OCB.

Chương VIII

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh OCB để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của OCB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của OCB, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình

Điều 41. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị OCB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không bảo đảm đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.
3. Đối với các ứng cử viên không bảo đảm điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho ứng cử viên đó và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
4. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được NHNN chấp thuận tại khoản 2, Điều này. OCB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị được tiến hành như việc bầu các thành viên

Hội đồng Quản trị khác.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.
6. OCB phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu các chức danh nêu trên trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.
7. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm.

Điều 42. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chức danh tương đương:
 - a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - đ) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của OCB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
 - e) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng giám đốc công ty con của OCB:
 - a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

- d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;
 - g) Trường hợp khác theo quy định pháp luật.
3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc OCB và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của OCB.

Điều 43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của OCB không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của OCB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành OCB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của OCB;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của OCB hoặc của công ty mẹ của OCB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của OCB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành OCB;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát của OCB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người quản lý, người điều hành OCB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của OCB hoặc công ty con của OCB;
 - b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của OCB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
- 5. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ

chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương là người quản lý, người điều hành công ty con của OCB hoặc của công ty mẹ của OCB.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;
 - b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - c) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d) Không phải là người có liên quan của người quản lý OCB;
 - đ) Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
3. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;
 - b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng; đối với Phó Tổng giám đốc phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - b) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở

lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 45. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 44 và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không phải là người đang làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB hoặc đã làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB trong 03 năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của OCB, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng.
3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của OCB, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của OCB hoặc công ty con của OCB.
4. Không đại diện sở hữu cổ phần của OCB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB.
5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của OCB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 46. Đương nhiên mất tư cách

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc OCB:
 - a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
 - f) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
 - g) Chết.
2. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f, g khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1, Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1, Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của OCB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 44, Điều lệ này;
 - e) Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
 - f) Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1, Điều này, Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.
4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.
5. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế.
6. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường hoặc trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.

Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách theo Điều 46 của Điều lệ này, khi chưa có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bị đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn có đủ trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 48. Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1, Điều 46, Điều lệ này và quy định của pháp luật, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động ngân hàng để bảo đảm OCB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN. Người được cử điều hành OCB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.
2. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.

Điều 49. Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành của OCB vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành OCB nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của OCB hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho Người quản lý, Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát.

1. OCB có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
4. Tiền lương của Người quản lý, Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định hoặc phân cấp quyết định.

Điều 51. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của OCB phải cung cấp cho OCB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ

- 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
- c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
- d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của OCB phải cung cấp cho OCB các thông tin sau đây:
- a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
- b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
- c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại OCB;
- d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại OCB.
3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi OCB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho OCB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của OCB so với lần cung cấp liền trước.
4. OCB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của OCB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày OCB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, OCB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của OCB.
5. OCB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của OCB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày OCB nhận được thông tin cung cấp.
6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành OCB

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của OCB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của OCB.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của OCB, cổ đông của OCB.
3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của OCB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của OCB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác

làm tổn hại tới lợi ích của OCB, cổ đông của OCB.

4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của OCB theo quy định pháp luật.
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của OCB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của OCB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của OCB.
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho OCB về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của OCB và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của OCB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của OCB.
9. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi OCB bị lỗ.
10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB

Điều 53. Tránh xung đột quyền lợi

1. Việc cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng khác cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành và những người liên quan của họ và pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính phải tuân theo quy định của pháp luật.
2. Các hợp đồng của OCB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn; công ty con, công ty liên kết của OCB chỉ được ký kết, nếu bảo đảm thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% Vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, các Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết;
 - b) Đối với hợp đồng giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% Vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng Quản trị thông qua hoặc phân cấp, ủy quyền thông qua trước khi ký. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho OCB phải

có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho OCB các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng đó.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác không được mua hoặc bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của OCB hay của các Công ty con vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các Cổ đông khác không có thông tin đó.

Điều 54. Trách nhiệm và bồi thường

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường cho những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Chương IX

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 55. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh OCB để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của OCB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 5 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, OCB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.
3. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của OCB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
4. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Văn phòng Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
5. Hội đồng quản trị phải thành lập các ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
6. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành OCB.
7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
8. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của OCB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

9. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập.
10. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
11. Sau khi cổ phiếu OCB đã niêm yết, việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của OCB.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
4. Cử người đại diện phần vốn góp của OCB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của OCB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của OCB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa OCB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của OCB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của OCB; công ty con, công ty liên kết của OCB.
9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
11. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của OCB phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng.
16. Quyết định mua lại cổ phần của tổ chức tín dụng theo phương án được duyệt.
17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
18. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
19. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
20. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
21. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
22. Đề cử người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong trường hợp cổ đông đề cử không đủ số lượng thành viên.
23. Quyết định mức bồi thường, cơ chế bồi thường và các vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan.
24. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
8. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
9. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử

lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

11. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
12. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.

Điều 58. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của OCB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành OCB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
4. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.
6. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
7. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
8. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.

Điều 59. Hợp Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của OCB hoặc ở trong và ngoài nước.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 1 lần.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 4, Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với OCB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
6. Hội đồng Quản trị có quyền ban hành quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại OCB.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

10. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản 9, Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
11. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp chỉ có quyền dự họp và không có quyền biểu quyết.
12. Biểu quyết:
 - a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của OCB;
 - c) Theo quy định tại điểm d, khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ 1 hợp đồng được quy định tại khoản 2 Điều 53, Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với OCB và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
15. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.
16. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể

trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 60. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các quyết định đã được thông qua;
 - i) Các nội dung khác theo quy định pháp luật.
 - j) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
2. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
3. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của OCB.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

Điều 61. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức

bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của OCB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về OCB;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về OCB theo quy định của OCB.
5. Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của OCB;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Chương X

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 62. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của OCB, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.
5. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của OCB theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
6. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của OCB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của OCB.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
6. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của OCB.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của OCB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh tổ chức tín dụng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của OCB.

12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của OCB.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
14. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB.

Chương XI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 64. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát của OCB có tối thiểu 05 thành viên.
3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, OCB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ của OCB.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của OCB về kế toán, báo cáo.
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành OCB, có quyền sử dụng các nguồn lực của OCB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của OCB; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của OCB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của OCB.

7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của OCB khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành OCB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của OCB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của OCB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ của OCB.
11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của OCB.
12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định pháp luật.
14. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 65 Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
3. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
8. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB.

Điều 67. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của OCB, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của OCB và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 73 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.
3. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành tổ chức tín dụng.
6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của OCB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của OCB và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
8. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB.

Điều 68. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do OCB phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của OCB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của OCB trong giờ làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của OCB theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 69. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau ngày các thành viên được bầu. Người có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có 02 hay nhiều thành viên có số phiếu bầu ngang nhau thì các thành viên trúng cử thống nhất chọn 01 người trong số họ để triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên và bầu Trưởng Ban Kiểm soát. Người được quyền triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 7 ngày. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
5. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b) Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Trưởng Ban kiểm soát;
 - d) Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Tổng Giám đốc;
 - f) Cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định pháp luật hiện hành.

Đề nghị nêu tại điểm a, b, d và e, khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

6. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e và f, khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
7. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của OCB và các địa điểm khác do Ban kiểm soát quyết định.
8. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 ngày kể từ khi gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
9. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.

Trưởng họp triệu tập họp Ban Kiểm soát lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự

theo quy định, Người có quyền triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần 2 trong thời hạn 7 ngày tiếp theo. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát dự họp.

Sau 2 lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

10. Biểu quyết:

- a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có 1 phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay;
 - b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
 - c) Nếu có bất cứ nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận, trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
11. Tuyên bố quyền lợi: thành viên Ban Kiểm soát thấy có liên quan quyền lợi dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với OCB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không theo Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
13. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền

tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

- b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
14. Biên bản: Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào Biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả thành viên Ban Kiểm soát dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Chương XII

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ

MỤC 1

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 70. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

1. OCB phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của OCB.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.
3. OCB phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của OCB. OCB phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ đối với công ty liên kết của OCB theo quy định của pháp luật.
4. Khi phát hiện những sai phạm, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh, OCB phải kịp thời hoạch định và thực hiện biện pháp khắc phục.

Điều 71. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách

1. Tùy theo quy mô, mức độ, phạm vi và đặc thù hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc. Trong mọi trường hợp dù có hay không có bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, OCB phải thiết lập, duy trì, tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo các quy định của NHNN.
2. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của OCB; giúp Tổng Giám đốc thực hiện việc tự kiểm tra để tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kịp thời kiến nghị xử lý những tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, bảo đảm OCB hoạt động an

toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Điều 72. Yêu cầu đối với hệ thống kiểm soát nội bộ

1. OCB phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.
2. OCB xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc NHNN.

MỤC 2**KIỂM TOÁN NỘI BỘ****Điều 73. Bộ phận kiểm toán nội bộ**

1. OCB phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ OCB.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của OCB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm OCB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của OCB.

Chương XIII**TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO, THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT****Điều 74. Chế độ tài chính**

Chế độ tài chính của OCB được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Năm tài chính

Năm tài chính của OCB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 76. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán OCB sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. OCB lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. OCB sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà OCB tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của OCB.
3. OCB sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 77. Báo cáo

1. OCB phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê và phải báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, OCB có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho NHNN trong các trường hợp sau đây:
 - a) Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của OCB;
 - b) Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của OCB; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;
 - c) Thay đổi tên chi nhánh của OCB; tạm ngừng giao dịch dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
3. Công ty con, công ty liên kết của OCB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, OCB phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 78. Công khai báo cáo tài chính

1. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, OCB phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp OCB đang được kiểm soát đặc biệt.
2. OCB phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

Điều 79. Thông tin

1. OCB phải thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản tại OCB cho chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. OCB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của OCB.
3. OCB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với OCB theo quy định của NHNN.
4. OCB có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định pháp luật đối với Công ty đại chúng.

Điều 80. Bảo mật thông tin

1. Người quản lý, người điều hành, nhân viên của OCB không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của OCB.
2. OCB phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của OCB theo quy định của Chính phủ.
3. OCB không được cung cấp thông tin khách hàng của OCB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương XIV**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ****Điều 81. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của OCB danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ của Cổ đông mà người đó đại diện.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của OCB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của OCB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. OCB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ này được công bố trên website của OCB. Các Cổ đông có quyền được nhận một bản Điều lệ miễn phí do OCB cấp, nếu có yêu cầu.

Chương XV**TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ****NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN****Điều 82. Tổ chức Đảng, đoàn thể, người lao động và công đoàn**

1. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong OCB hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ tổ chức.
2. OCB tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động thành lập các tổ chức Đảng, đoàn thể tại OCB, kết nạp những người làm việc tại doanh nghiệp vào các tổ chức này.
3. Doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, đoàn thể làm việc tại OCB thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo Điều lệ và nội quy của tổ chức.
4. Người lao động và công đoàn: Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của OCB với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của OCB và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XVI

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 83. Trích lập các quỹ

Hàng năm, OCB phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hàng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của OCB.
2. Quỹ dự phòng tài chính.
3. Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của OCB. OCB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi OCB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ OCB và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, OCB vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của OCB.
4. OCB không trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại OCB.
5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, OCB sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu.
7. Cổ tức có được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi OCB đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu OCB đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì OCB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng

các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của OCB. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
10. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của OCB.
11. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ OCB.
12. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

Chương XVII

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 85. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, OCB phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, OCB phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. OCB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của OCB được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại Đại hội

về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của OCB.

Chương XVIII

CON DẤU

Điều 86. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của OCB.
2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo chức năng, nhiệm vụ của mình và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIX

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢM, GIẢI THỂ THANH LÝ

MỤC 1

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 87. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả

Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, OCB phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và biện pháp đã áp dụng, biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục.

Điều 88. Các trường hợp OCB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. OCB không có phương án khắc phục gửi NHNN hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN trong trường hợp được can thiệp sớm;
2. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, OCB không có khả năng thực hiện phương án khắc phục trong trường hợp được can thiệp sớm;
3. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà OCB không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;
4. Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
5. Tỷ lệ an toàn vốn của OCB thấp hơn 04% trong thời gian 06 tháng liên tục;
6. Trường hợp bị giải thể, OCB không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.

Điều 89. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi OCB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 165 Luật Các tổ chức tín dụng;
2. Quản trị, điều hành, kiểm soát hoạt động kinh doanh của OCB, bảo đảm an toàn tài sản của OCB;
3. Hội đồng quản trị của OCB quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thông qua phương án cơ cấu lại theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 90. Khoản vay đặc biệt

1. OCB được vay đặc biệt từ NHNN, tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:
 - a) Để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 191 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - b) Để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc.
2. OCB được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.
3. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác, kể cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính có tài sản bảo đảm của bên vay đặc biệt.

Điều 91. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt

NHNN xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với OCB thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. OCB khắc phục được tình trạng dẫn đến OCB được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 138 của Luật Các tổ chức tín dụng.
2. OCB hoàn thành phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt theo quy định tại các mục 2, 3 và 4 Chương X của Luật Các tổ chức tín dụng.
3. OCB giải thể hoặc sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Mục 5 Chương này, Chương XIII của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.
4. Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản OCB.

MỤC 2

PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ

Điều 92. Phá sản OCB

Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà OCB vẫn mất khả năng thanh toán, OCB phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 93. Các trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động

1. OCB không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.
2. OCB bị thu hồi Giấy phép.
3. OCB tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
4. OCB được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

Điều 94. Thanh lý tài sản của OCB

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 202 của Luật Các tổ chức tín dụng, OCB phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục

thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định.

2. OCB có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

Chương XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của OCB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với OCB hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của OCB;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong thời hạn 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra toà án Việt Nam có thẩm quyền.

Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 96. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh OCB khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ OCB, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của OCB để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh OCB sẽ tính vào chi phí của OCB, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Chương XXI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 97. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, họp Hội

đồng quản trị, họp Ban kiểm soát, trong các văn bản: Điều lệ, quy chế, quyết định của Ngân hàng cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt.

Điều 98. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của OCB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của OCB.

Điều 99. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ 01/07/2024 và thay thế Điều lệ Ngân hàng TMCP Phương Đông 2022 (bao gồm tất cả các nội dung đã sửa đổi, bổ sung có liên quan).
2. Các nội dung trong Điều lệ này được quy định trong Điều khoản chuyển tiếp của Luật Các tổ chức tín dụng thì được thực hiện theo Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng.
3. Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) 01 bản nộp cho NHNN Việt Nam;
 - b) 03 bản lưu trữ tại Trụ sở chính OCB.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ thực hiện theo quy định của OCB và quy định pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA OCB
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TRỊNH VĂN TUẤN

MỤC LỤC

Chương I. ĐỊNH NGHĨA VÀ ÁP DỤNG DẪN CHIẾU	2
Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ.....	2
Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu.....	4
Chương II. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	4
Điều 3. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động.....	4
Chương III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động.....	5
Điều 5. Nội dung hoạt động.....	5
Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần.....	5
Điều 7. Bảo đảm an toàn trong hoạt động.....	8
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG	9
Điều 8. Vốn điều lệ của OCB.....	9
Điều 9. Thay đổi Vốn điều lệ.....	9
Điều 10. Vốn hoạt động của OCB.....	9
Điều 11. Sử dụng vốn, tài sản.....	9
Điều 12. Tỷ lệ bảo đảm an toàn.....	9
Chương V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ TRÁI PHIẾU	10
Điều 13. Các loại cổ phần.....	10
Điều 14. Tỷ lệ sở hữu cổ phần.....	10
Điều 15. Cổ phiếu.....	11
Điều 16. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	12
Điều 17. Chào bán cổ phần.....	12
Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần.....	13
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông.....	14
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của OCB.....	14
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	15
Điều 22. Phát hành trái phiếu.....	15
Chương VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	15
Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	15
Chương VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
Điều 24. Sổ đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông.....	16

Điều 25.	Quyền của Cổ đông	17
Điều 26.	Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông OCB	19
Điều 27.	Đại hội đồng Cổ đông	19
Điều 28.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông	21
Điều 29.	Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 30.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông	22
Điều 31.	Mời họp Đại hội đồng Cổ đông	23
Điều 32.	Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	23
Điều 33.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	24
Điều 34.	Thê thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	24
Điều 35.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	26
Điều 36.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	27
Điều 37.	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	28
Điều 38.	Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	29
Điều 39.	Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	29
Chương VIII. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		30
Điều 40.	Nhiệm vụ và quyền hạn chung.....	30
Điều 41.	Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	30
Điều 42.	Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương.....	31
Điều 43.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	32
Điều 44.	Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm.....	33
Điều 45.	Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị.....	34
Điều 46.	Đương nhiên mất tư cách.....	34
Điều 47.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm	35
Điều 48.	Thay thế Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp	35
Điều 49.	Đình chỉ, tạm đình chỉ	36
Điều 50.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho Người quản lý, Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát.....	36
Điều 51.	Công khai các lợi ích liên quan	36
Điều 52.	Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý, Người điều hành OCB.....	37

Điều 53.	Tránh xung đột quyền lợi	38
Điều 54.	Trách nhiệm và bồi thường	39
CHƯƠNG IX. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		40
Điều 55.	Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị.....	39
Điều 56.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị	39
Điều 57.	Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	41
Điều 58.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	42
Điều 59.	Họp Hội đồng Quản trị	42
Điều 60.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị	45
Điều 61.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	45
CHƯƠNG X. TỔNG GIÁM ĐỐC		47
Điều 62.	Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc	47
Điều 63.	Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	47
CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT		48
Điều 64.	Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát	48
Điều 65.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	48
Điều 66.	Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát	49
Điều 67.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	50
Điều 68.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	50
Điều 69.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....	50
CHƯƠNG XII. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....		53
MỤC 1. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ.....		53
Điều 70.	Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.....	53
Điều 71.	Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách	53
Điều 72.	Các yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ.....	54
MỤC 2. KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....		54
Điều 73.	Bộ phận kiểm toán nội bộ	54
CHƯƠNG XIII. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO, THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT		54
Điều 74.	Chế độ tài chính.....	54
Điều 75.	Năm tài chính.....	54
Điều 76.	Hệ thống kế toán.....	54
Điều 77.	Báo cáo.....	55
Điều 78.	Công khai báo cáo tài chính.....	55

Điều 79.	Thông tin.....	55
Điều 80.	Bảo mật thông tin.....	55
CHƯƠNG XIV. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ		59
Điều 81.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	59
CHƯƠNG XV. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN		56
Điều 82.	Tổ chức Đảng, đoàn thể, người lao động và công đoàn	56
CHƯƠNG XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....		57
Điều 83.	Trích lập các quỹ.....	57
Điều 84.	Trả cổ tức	57
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....		58
Điều 85.	Kiểm toán độc lập	58
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU		59
Điều 86.	Con dấu	59
CHƯƠNG XIX. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ THANH LÝ		59
MỤC 1. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT		59
Điều 87.	Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả	59
Điều 88.	Các trường hợp OCB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt	59
Điều 89.	Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi OCB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	59
Điều 90.	Khoản vay đặc biệt	59
Điều 91.	Chấm dứt kiểm soát đặc biệt	60
MỤC 2. PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ		60
Điều 92.	Phá sản OCB.....	60
Điều 93.	Các trường hợp giải thể OCB	60
Điều 94.	Thanh lý tài sản của OCB	60
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ		61
Điều 95.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	61
Điều 96.	Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	61
CHƯƠNG XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		61
Điều 97.	Ngôn ngữ.....	61
Điều 98.	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	62
Điều 99.	Điều khoản thi hành	62

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v sửa đổi các Quy chế thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Phương Đông thông qua việc sửa đổi các Quy chế thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng như sau:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) đã được xây dựng và ban hành dựa trên cơ sở Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các quy định pháp luật liên quan.

Hiện nay, Quốc hội đã ban hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024. Do đó, các Quy chế này cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng mới.

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:
 - Thông qua dự thảo các Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Phương Đông sửa đổi, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 (đính kèm).
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị nội bộ, ủy quyền cho Ban kiểm soát hoàn chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến tham gia của cổ đông và ban hành, làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, ban hành các Quy chế này kể cả việc bổ sung, thay đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các điều khoản và thời điểm ban hành cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Trân trọng.



Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRINH VĂN TUẤN





QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2. Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan trên toàn hệ thống OCB.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người quản lý: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của OCB.
2. Người điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ OCB.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ OCB.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị OCB, có toàn quyền nhân danh OCB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của OCB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành OCB.
2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của OCB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm

kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 và điểm a khoản 1 Điều 73 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, OCB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.
5. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Văn phòng Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.
6. Hội đồng quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:
 - a) Hội đồng quản trị phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 thành viên gồm trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được là trưởng ban của một Ủy ban, Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b) Hội đồng quản trị quy định quy chế làm việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban trên và các Ủy ban, Hội đồng khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của OCB.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
4. Cử người đại diện phần vốn góp của OCB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của OCB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của OCB mà mức đầu tư, giá mua dự

- kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 8. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa OCB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của OCB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của OCB; công ty con, công ty liên kết của OCB.
 9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của OCB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
 11. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của OCB phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng.
 13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
 14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
 15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng.
 16. Quyết định mua lại cổ phần của tổ chức tín dụng theo phương án được duyệt.
 17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 18. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
 19. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 20. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
 21. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
 22. Đề cử người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong trường hợp cổ đông đề cử không đủ số lượng thành viên.

23. Quyết định mức bồi thường, cơ chế bồi thường và các vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan.
24. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
25. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ OCB và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ OCB hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông mà thiệt hại cho OCB thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho OCB; thành viên phản đối thông qua quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - g) Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - i) Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
 - j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
 - k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - l) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

200
HÀNG
CỔ P
ĐÔNG
ĐỒ CH

- m) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có các quyền, nghĩa vụ như sau:
- a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của OCB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành OCB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
 - c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
 - d) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
 - e) Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
 - f) Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.
 - g) Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - h) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
 - i) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB
2. Ngoài quyền và nghĩa vụ tại khoản 1 Điều này, Thành viên HĐQT còn có trách nhiệm như sau:
- a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
 - b) Không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
 - c) Thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa OCB, công ty con,

công ty do OCB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, OCB phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

- d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
- e) Không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- f) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.

Điều 8. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao được tính theo mức độ đóng góp công việc của thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của OCB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của OCB, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẦU, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị

1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các tổ chức

tín dụng năm 2024 hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

5. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của OCB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
6. Người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát;
7. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của OCB không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của OCB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành OCB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của OCB;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của OCB hoặc của công ty mẹ của OCB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của OCB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành OCB;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành

tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB hoặc đã làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB trong 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của OCB, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của OCB, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của OCB hoặc công ty con của OCB;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của OCB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB;

đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của OCB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 12. Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. Trường hợp OCB bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị Ban Kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị NHNN đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ nhiệm vụ, quyền hạn khi vi phạm quy định có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của OCB hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 13. Dương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp dương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b) Vi phạm quy định về các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà người đó là đại diện vốn góp chấm dứt;
 - d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - e) Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) OCB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;



2. Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1, Điều này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 14. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng.
 - e) Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
 - f) Các trường hợp khác do pháp luật và Điều lệ OCB quy định.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1, Điều này, Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.
4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.
5. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường hoặc trình cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.
6. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, khi chưa có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị bị đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn có đủ trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ và quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG V CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản

trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của OCB hoặc ở nơi khác.

2. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ OCB và các quy định pháp luật có liên quan.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với OCB; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại OCB.
5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp bao gồm cả trường hợp trực tiếp dự họp, ủy quyền dự họp và gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận.
7. Biên bản họp Hội đồng quản trị:
 - a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định pháp luật và Điều lệ OCB.
 - b) Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- c) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.

Điều 16. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của OCB;
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo uỷ quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
4. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 17. Thẻ thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi đến từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OCB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về OCB;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về OCB theo quy định của OCB.

5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OCB;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 18. Chế độ thông tin báo cáo

1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo của Hội đồng Quản trị là Văn phòng Hội đồng quản trị.
2. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được cung cấp thông tin theo quy định pháp luật.
3. Tất cả các báo cáo chính thức gửi Hội đồng Quản trị phải có chữ ký và ghi rõ tên của người có trách nhiệm và được bảo quản như tài liệu mật của OCB.
4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị phải tuân thủ việc bảo quản hồ sơ và bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và của OCB.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng

quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ OCB và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định này.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến Hội đồng quản trị được quy định trong Điều khoản chuyển tiếp của Luật Các tổ chức tín dụng thì được thực hiện theo Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị OCB nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của OCB. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định mới của pháp luật, thì áp dụng theo quy định pháp luật mới.
3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định pháp luật.





QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ, các nguyên tắc, chế độ làm việc của Ban kiểm soát, tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông theo quy định pháp luật.

Điều 2: Viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các từ viết tắt:

- OCB: là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông.
- Luật các TCTD: là Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung.
- Điều lệ: là Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông.
- Hội đồng quản trị: là Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông.
- Ban kiểm soát: là Ban kiểm soát của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông.
- Người quản lý: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ.
- Người điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ.

- ##### 2. Giải thích từ ngữ: các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu theo quy định Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản liên quan.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU, TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3: Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát của OCB có tối thiểu 05 thành viên. Số lượng thành viên của Ban kiểm soát do Điều lệ quy định.
3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, OCB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các TCTD.

Điều 4: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành OCB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của OCB về kế toán, báo cáo.
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành OCB, có quyền sử dụng các nguồn lực của OCB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của OCB; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của OCB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của OCB.
7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của OCB khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành của OCB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của OCB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của OCB; cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ.
11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.
12. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận Kiểm toán nội bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ.
13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD.
14. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của OCB;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa OCB, công ty con của OCB, công ty do OCB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của OCB và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa OCB với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của OCB là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.
 - f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
15. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của OCB.
16. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định Pháp luật và Điều lệ.

Điều 5: Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 4 của Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
3. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường tại khoản 11 Điều 4 của quy định này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
8. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 6: Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của OCB và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 73 của Luật các TCTD.
3. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành OCB.
6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của OCB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của OCB và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.

8. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 7: Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các TCTD.
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
3. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.
4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
5. Không phải là người có liên quan của người quản lý OCB.
6. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 8: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát

Những người sau đây không được là thành viên Ban kiểm soát:

1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật các TCTD;
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
5. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của OCB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật các TCTD;
6. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 9: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Ban kiểm soát của OCB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

1. Người quản lý, người điều hành của OCB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của OCB hoặc công ty con của OCB;
2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của OCB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

Điều 10: Những trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát của OCB:
 - a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 8 của Quy chế này;
 - b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của OCB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
 - f) Chết.
2. Sau khi đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát của OCB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.

Điều 11: Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 10 của Quy chế này, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của OCB;
 - b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;
 - d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng ban kiểm soát thay thế.

Điều 12: Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 của Luật các TCTD hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các TCTD; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát của TCTD bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của OCB hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 13: Trách nhiệm công khai thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải cung cấp cho OCB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải gửi OCB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Thành viên Ban kiểm soát cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 14: Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

1. Mức thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn với mức hợp lý và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao, lương, thưởng và các chi phí hoạt động của thành viên Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của OCB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của OCB, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 15: Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo thực hiện các quy tắc chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.
2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát bao gồm các quy tắc sau đây:
 - a) Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;
 - b) Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;
 - c) Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của OCB;
 - d) Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;
 - e) Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây:
 - i. Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung được kiểm toán nội bộ;
 - ii. Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.

CHƯƠNG III**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT****Điều 16: Chế độ phân công nhiệm vụ và báo cáo**

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban kiểm soát. Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, từng thành viên Ban kiểm soát thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát.

Điều 17: Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, cá nhân chịu trách nhiệm trước nhiệm vụ được giao. Trưởng ban kiểm soát trực tiếp chủ trì giải quyết những nội dung quan trọng và phân công cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Trưởng ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Ban. Trường hợp vắng mặt vì lý do chính đáng Trưởng ban ủy nhiệm cho một thành viên trong Ban kiểm soát chủ trì.

2005
HÀNG
CỔ PHẦN
ĐÔNG
ĐI CHỈ

3. Đối với những vụ việc kiểm tra mang tính chất phức tạp và diện rộng, Ban kiểm soát có thể thông báo với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để huy động nhân sự có năng lực và phẩm chất tốt của OCB tham gia. Đối với các vụ việc cần liên hệ với tổ chức cá nhân ngoài OCB để thực hiện công tác kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát sẽ thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
4. Ban kiểm soát thống nhất nội dung các báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, các thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Trong trường hợp có ý kiến chưa thống nhất, thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình và ghi vào biên bản.

Điều 18: Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau ngày các thành viên được bầu. Người có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có 02 hay nhiều thành viên có số phiếu bầu ngang nhau thì các thành viên trúng cử thống nhất chọn 01 người trong số họ để triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên và bầu Trưởng Ban Kiểm soát. Người được quyền triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 7 ngày. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 - b) Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Trưởng ban kiểm soát
 - d) Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Tổng giám đốc;
 - f) Cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định pháp luật hiện hành.

Đề nghị nêu tại điểm a, b, d và e khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

3. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e và f khoản 2 Điều này, Trưởng ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban kiểm soát hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ tại trụ sở chính của OCB, họp trực tuyến hoặc các địa điểm khác do Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền quyết định.

Điều 19: Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

1. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 05 ngày kể từ khi gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.
2. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền, Người có quyền triệu tập họp Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời hạn 7 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.
3. Biểu quyết:
 - a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có 1 phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
 - c) Nếu có bất cứ nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận, trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
4. Tuyên bố quyền lợi: thành viên Ban Kiểm soát thấy có liên quan quyền lợi dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với OCB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không theo Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
5. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành

viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

6. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
7. Biên bản: Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào Biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả thành viên Ban Kiểm soát dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 20. Giám sát của Ban kiểm soát đối với Kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:
 - a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - b) Giám sát kiểm toán nội bộ trong việc:
 - (i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - (ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
 - (iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
2. Việc giám sát của Ban kiểm soát đối với kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo kiểm toán nội bộ được thực hiện hiệu quả, đạt được yêu cầu đề ra.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21: Quyền được cung cấp thông tin

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do OCB phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của OCB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của OCB trong giờ làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của OCB theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
6. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải gửi đến Ban kiểm soát các báo sau đây để Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của OCB;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành OCB.

Điều 22. Chế độ báo cáo về kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm soát phê duyệt báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ để gửi Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sau khi kết thúc kiểm toán nội bộ theo quy định pháp luật.
2. Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ bao gồm:
 - a) Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (định kỳ hằng năm và đột xuất);
 - b) Báo cáo kết quả tự đánh giá kiểm toán nội bộ;
 - c) Báo cáo hằng năm về kiểm toán nội bộ gửi Ngân hàng Nhà nước (Báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ).
3. Thời hạn gửi báo cáo:
 - a) Đối với báo cáo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:
 - (i) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán nội bộ trình Ban kiểm soát phê duyệt báo cáo kiểm toán nội bộ;
 - (ii) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm toán nội bộ đột xuất, Kiểm toán nội bộ trình Ban kiểm soát báo cáo kiểm toán nội bộ đột xuất.
 - b) Đối với báo cáo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán nội bộ trình Ban kiểm soát phê duyệt báo cáo kết quả tự đánh giá kiểm toán nội bộ.
 - c) Đối với báo cáo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này:

- (i) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán nội bộ trình Ban kiểm soát và Người đại diện hợp pháp của OCB phê duyệt báo cáo kiểm toán nội bộ của năm tài chính để gửi cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).
 - (ii) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm toán nội bộ đột xuất, OCB gửi báo cáo kiểm toán nội bộ đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
4. Nội dung báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung liên quan.

Điều 23. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ với Hội đồng Quản trị:

- a) Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là mối quan hệ hợp tác và hỗ trợ trên cơ sở Điều lệ và các quy định của pháp luật vì lợi ích chung của OCB. Ban kiểm soát hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh – quản lý – điều hành OCB, đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm phối hợp cùng Hội đồng quản trị theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra.
- b) Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của OCB cho Ban kiểm soát để phục vụ công tác của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát báo cáo với Hội đồng Quản trị kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm. Sau khi có kết quả kiểm toán nội bộ, thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị hoặc yêu cầu họp với Hội đồng Quản trị;
- d) Ban kiểm soát thông báo với Hội đồng Quản trị những kế hoạch đột xuất khác thuộc phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát;
- e) Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

2. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc:

- a) Ban kiểm soát thảo luận và thông báo với Tổng Giám đốc kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm.
- b) Quá trình thực hiện giám sát và kiểm toán nội bộ các hoạt động OCB theo kế hoạch hằng năm và đột xuất, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản hoặc trao đổi trực tiếp kết quả với Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc thực hiện chấn chỉnh và đề ra biện pháp giải quyết kịp thời các tồn tại (nếu có);
- c) Ban kiểm soát chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của OCB. Tổng Giám đốc chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ làm việc, Tổng giám đốc thực hiện:



- (i) Phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát quản lý cấp cao đối với Tổng giám đốc;
 - (ii) Chỉ đạo bộ phận quản lý rủi ro và các bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ thông tin về rủi ro để bộ phận kiểm toán nội bộ lập kế hoạch kiểm toán nội bộ.
- d) Trong khi tiến hành giám sát và kiểm toán nội bộ các hoạt động OCB, Trưởng ban kiểm soát có thể trao đổi với Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến quá trình giám sát và kiểm toán nội bộ;
- e) Ban kiểm soát thông báo với Tổng Giám đốc những kế hoạch đột xuất khác thuộc phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát;
- f) Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.
- g) Bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc (thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và tuyến bảo vệ thứ hai) thực hiện:
- (i) Cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác theo yêu cầu của bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ;
 - (ii) Thông báo kịp thời cho bộ phận kiểm toán nội bộ khi phát hiện các tồn tại, vi phạm, tổn thất hoặc nguy cơ tổn thất;
 - (iii) Tạo điều kiện thuận lợi để bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán nội bộ.
3. Mối quan hệ với Kiểm toán độc lập:
- Ban kiểm soát phối hợp, tham vấn thường xuyên với Kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán hoạt động OCB cũng như kết luận sau kiểm toán nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.



CHƯƠNG V CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 24. Điều khoản thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Những vấn đề liên quan đến Ban kiểm soát được quy định trong Điều khoản chuyển tiếp của Luật các TCTD thì được thực hiện theo Điều 210 Luật các TCTD.
2. Những vấn đề liên quan đến Ban kiểm soát của OCB nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của OCB. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định mới của pháp luật, thì áp dụng theo quy định pháp luật mới.
3. Ủy quyền cho Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định của pháp luật./.



QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những vấn đề về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành và cán bộ quản lý của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2. Quy chế này được áp dụng đối với cổ đông và người có liên quan của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành, cán bộ nhân viên Ngân hàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người quản lý: bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của OCB.
2. Người điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ OCB.
3. Cổ đông lớn: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ OCB.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.

CHƯƠNG II**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Điều 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Họp ĐHĐCĐ thường niên:
 - a) ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - b) ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Họp ĐHĐCĐ bất thường:

ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp theo quy định tại Điều lệ OCB.
3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 01 Quy chế này hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 02 Quy chế này.

Điều 5. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: OCB công bố thông tin về việc lập danh sách có quyền tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ:
 - a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - b) Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.
 - c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB.
3. Cách thức đăng ký họp ĐHĐCĐ:
 - a) Vào ngày khai mạc cuộc họp, cổ đông và người được ủy quyền dự họp tiến hành thủ tục đăng ký dự họp. Người đăng ký dự họp được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
 - b) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tịch có thể cho bắt đầu cuộc họp.
 - c) Cổ đông đến sau khi cuộc họp ĐHĐCĐ đã được khai mạc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ:

Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 6. Thủ tục biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông được phát “Phiếu biểu quyết” do OCB phát hành, trong đó ghi mã số cổ đông, tên cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu.
3. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số Phiếu biểu quyết được thu theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá ba (03) người. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Kết quả kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng một thứ tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều lệ OCB. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được hoàn thành và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Phương thức gửi biên bản cuộc họp có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của OCB.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB.

Điều 8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua phù hợp Điều lệ và quy định pháp luật có giá trị hiệu lực cao nhất trong OCB. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan đều có nghĩa vụ thi hành.
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin cùng với Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Nghị

quyết được thông qua. Việc gửi Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho cổ đông có thể thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của OCB.

Điều 9. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của OCB, trừ các trường hợp bắt buộc phải thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định pháp luật và Điều lệ OCB.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Điều lệ OCB.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của OCB trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được gửi đến NHNN trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của OCB;
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ OCB, trừ trường hợp Nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ OCB.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB hoặc đã làm việc cho OCB hoặc công ty con của OCB trong 03 năm liền kề trước đó;
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của OCB, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;
 - c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của OCB, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của OCB hoặc công ty con của OCB;
 - d) Không đại diện sở hữu cổ phần của OCB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của OCB;
 - đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của OCB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó

Điều 12. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ OCB.
2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không bảo đảm đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì Đại hội đồng Cổ đông tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ OCB.

Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;
 - c. Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị, điều kiện tổ chức cuộc họp, cách thức thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị OCB.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:



1. Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
3. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý OCB;
5. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật.

Điều 18. Đề cử, bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc đề cử, bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc đề cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế này.

Điều 19. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 20. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng ban, Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Có đơn xin từ chức gửi Ban kiểm soát;
 - c. Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG V

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người điều hành

1. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
 - b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; đối với Phó Tổng giám đốc phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
 - b) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
 - c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
 - d) Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 22. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Người điều hành

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp với quy định pháp luật và quy định của OCB.
2. Việc ký kết Hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của OCB phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 23. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành

1. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của OCB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. Khi OCB bị thu hồi Giấy phép;
 - g. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của OCB;
 - c. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của OCB và quy định pháp luật.
- Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
3. Người điều hành khác của OCB bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định nội bộ của OCB phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 24. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG VI

QUY ĐỊNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD

1. Triệu tập họp HĐQT:
Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT để thảo luận và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.
2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT:
 - a. TGD được tham gia các phiên họp của Hội đồng Quản trị. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ báo cáo chương trình, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kết quả tài chính, phương án phân chia lợi nhuận, phương hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới.

- b. Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của HĐQT. Ban kiểm soát thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.
3. Phối hợp giữa TGD và HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao:
 - a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị..
 - b. Tổng Giám đốc có trách nhiệm Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của OCB theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
 - c. Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác của OCB cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của OCB và của các đơn vị, Công ty con của OCB.
 - d. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thực hiện những quyết định, kiến nghị, yêu cầu của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật.
 4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - a. Quan hệ giữa BKS và HĐQT:
 - i. BKS hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh – quản lý – điều hành Ngân hàng, đồng thời BKS có trách nhiệm phối hợp cùng với HĐQT theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra.
 - ii. Hội đồng Quản trị, Thành viên HĐQT, TGD, Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của OCB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong quá trình hoạt động. Các thành viên Ban Kiểm soát được HĐQT cung cấp tài liệu và thông tin cần thiết phục vụ công tác của BKS.
 - iii. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.
 - iv. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - b. Quan hệ giữa BKS đối với Tổng Giám đốc:
 - i. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
 - ii. Ban Kiểm soát được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của OCB để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán.



CHƯƠNG VII**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH****Điều 26. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

1. Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc và báo cáo kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Các Cán bộ quản lý khác trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát; kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác.

Điều 27. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thưởng đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
3. Hội đồng Quản trị quyết định mức thưởng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của OCB. Các hình thức và mức khen thưởng, trình tự, thủ tục xét thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng do HĐQT ban hành tại từng thời điểm.
4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác không được yêu cầu trả thưởng khi OCB bị lỗ.

Điều 28. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho OCB và cổ đông của OCB.
3. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các Người điều hành khác của OCB.
4. Ban Kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ trên cơ sở quy định nội bộ do Ban Kiểm soát ban hành.

CHƯƠNG VIII**NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG**

Điều 29. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. Hội đồng Quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký HĐQT theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f. Tổ chức, sắp xếp việc lưu trữ các văn bản, tài liệu, nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị;
 - g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - h. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
4. Việc miễn nhiệm người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của OCB có hiệu lực trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX**ĐIỀU KHOẢN CHUNG****Điều 30. Điều khoản thi hành**

1. Những vấn đề liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quản trị nội bộ được quy định trong Điều khoản chuyển tiếp của Luật Các tổ chức tín dụng thì được thực hiện theo Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Những vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ của OCB nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của OCB. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định mới của pháp luật, thì áp dụng theo quy định pháp luật mới.
3. Ủy quyền Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này trên cơ sở quy định của pháp luật.

2005
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

PHỤ LỤC 01
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN
VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- a. Phụ lục này quy định về việc:
 - i. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) theo hình thức trực tuyến.
 - ii. Thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- b. Phụ lục này được áp dụng đối với cổ đông, người được ủy quyền dự họp.

2. Giải thích từ ngữ

- a. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/Đại hội trực tuyến: là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
- b. Bỏ phiếu điện tử: là việc cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do OCB quy định và thông báo.
- c. Hệ thống bỏ phiếu điện tử là hệ thống cung cấp cho cổ đông các công cụ thông tin hiện đại để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- d. Tài khoản truy cập: bao gồm tên truy cập và mật khẩu được OCB cấp duy nhất cho từng cổ đông.
- e. Cổ đông: bao gồm cổ đông và người được cổ đông ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến.

3. Tổ chức Đại hội trực tuyến

- a. Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội trực tiếp.
- b. Hội đồng quản trị thành lập Ban tổ chức đại hội để triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ cho việc tổ chức Đại hội trực tuyến.
- c. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có giá trị pháp lý như cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp. Hình thức biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử có giá trị pháp lý như hình thức biểu quyết, bỏ phiếu, gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng phương thức truyền thống.
- d. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.

4. Điều kiện tiến hành Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

- a. Cổ đông tham dự đại hội đạt tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ OCB.
- b. Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện:
 - i. Đường truyền tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định. Trường hợp bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban Chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến của phần gián đoạn.

- ii. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp.
- iii. Đảm bảo an toàn thông tin, bí mật tài khoản truy cập. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội, biểu quyết, bỏ phiếu phải được lưu giữ, bảo mật, trích xuất được từ hệ thống có đầy đủ các thông tin liên quan để tổng hợp Biên bản.

5. Trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội trực tuyến

Việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử đảm bảo về trình tự, thủ tục, thời gian tương tự như tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật có liên quan (chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp; gửi thông báo mời họp và chương trình, tài liệu cuộc họp; đăng ký cổ đông, đăng ký ủy quyền dự họp; xác định Chủ tọa cuộc họp, thông qua chương trình, nội dung cuộc họp và cử Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu; thảo luận và biểu quyết; lập và thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; công bố thông tin liên quan...).

6. Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

- a. Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông OCB có quyền biểu quyết được lập và chốt vào ngày đăng ký cuối cùng đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo Quy chế này.
- b. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
- c. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:
 - i. Cổ đông cần cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, trong đó có thông tin của bên nhận ủy quyền, gồm: họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân/mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email. Đây là cơ sở để nhận tên đăng nhập, mật khẩu truy cập, các yếu tố định danh khác (nếu có) và thông tin khác để đăng nhập tham dự đại hội, thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.
 - ii. Hiệu lực của việc ủy quyền: Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của OCB được thông báo đến cổ đông hoặc được công bố trên website của OCB và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
 - Văn bản ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - OCB nhận được bản chính Văn bản ủy quyền trong thời hạn được quy định theo từng lần tổ chức Đại hội.
 - iii. Khi ủy quyền có hiệu lực theo quy định tại khoản này thì bên nhận ủy quyền sẽ nhận được thông tin truy cập để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử thông qua số điện thoại hoặc email theo thông tin được cung cấp tại Văn bản ủy quyền.

- iv. Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử: Cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy quyền đến OCB. Việc hủy bỏ ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi OCB nhận được văn bản hủy bỏ trước khi Đại hội khai mạc chính thức ít nhất 24 giờ trước giờ khai mạc Đại hội hoặc một thời hạn khác theo thông báo của OCB. Việc hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu OCB nhận được Văn bản hủy bỏ ủy quyền trực tuyến sau thời điểm nêu trên hoặc người được ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu điện tử trước khi ĐHĐCĐ chính thức khai mạc với bất cứ vấn đề nào của Đại hội trực tuyến.
- v. Trong trường hợp người được ủy quyền nhận ủy quyền từ nhiều cổ đông thì có thể biểu quyết, bỏ phiếu theo hai hình thức: (i) thống nhất một nội dung biểu quyết cho tất cả các cổ đông ủy quyền; hoặc (ii) biểu quyết linh hoạt theo quyết định của từng cổ đông ủy quyền.

7. Cung cấp thông tin đăng nhập để tham dự Đại hội trực tuyến

- a. OCB gửi cổ đông Thư mời họp Đại hội trực tuyến kèm theo tài liệu hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu điện tử cũng như tra cứu các tài liệu cho Đại hội.
- b. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến bằng cách truy cập vào đường dẫn được thông báo và điền các thông tin của cổ đông và đại diện theo ủy quyền (nếu tham gia bởi người được ủy quyền) đã được đăng ký, bao gồm: Họ và tên; số điện thoại; Số giấy chứng minh nhân dân, Số thẻ căn cước công dân, Mã số doanh nghiệp, Mã số nhà đầu tư nước ngoài và email. Các thông tin này có thể thay đổi theo từng lần tổ chức Đại hội đồng cổ đông và được thông báo đến các cổ đông.
- c. OCB sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông vào số điện thoại hoặc email để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của OCB.
- d. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:
 - i. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về OCB để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.
 - ii. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại mục 8 Phụ lục này.

8. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến

- a. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được OCB gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website OCB.
- b. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.
- c. Hệ thống trực tuyến sẽ mở để ghi nhận việc cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội trực tuyến trước thời điểm khai mạc 60 phút so với chương trình dự kiến hoặc một thời gian khác theo Thông báo của OCB.

9. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến

- a. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội.

- b. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và chuyển đến Ban chủ tọa.
- c. Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên Chủ tọa đoàn do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông. Khi đã hết thời gian quy định cho chương trình thảo luận, Ban tổ chức Đại hội sẽ ngừng việc sắp xếp các đăng ký thảo luận, phát biểu của cổ đông. Chủ tọa có quyền quyết định kéo dài hoặc chấm dứt chương trình thảo luận.

10. Cách thức bỏ phiếu điện tử

- a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - i. Cổ đông chọn lựa một trong ba phương thức biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" đối với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại Hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - ii. Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để Hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- b. Cách thức bỏ phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm sát:
 - i. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm sát trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn của OCB.
 - ii. Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để Hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
 - iii. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Việc thực hiện bỏ phiếu điện tử được thực hiện sau khi cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.
 - Cổ đông thực hiện bỏ phiếu các vấn đề cần bỏ phiếu đã được cài đặt trên hệ thống và có thể bỏ phiếu trong thời gian hệ thống mở đến thời điểm hệ thống đã được đóng theo thông báo của OCB.
 - Trường hợp cổ đông không bỏ phiếu hết các nội dung cần bỏ phiếu thì các vấn đề chưa được bỏ phiếu được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu vấn đề đó và được xác định là không tham gia bỏ phiếu điện tử đối với vấn đề không được cổ đông bỏ phiếu.
 - Trường hợp phát sinh vấn đề ngoài nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông đã gửi, cổ đông có thể bỏ phiếu bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử với vấn đề phát sinh đó thì cổ đông được xác định là không có ý kiến đối với vấn đề phát sinh đó.
 - Trường hợp hệ thống trực tuyến cho phép, cổ đông có thể thay đổi phương án bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu (nhưng không thể hủy kết quả). Khi đó, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kết quả bỏ phiếu cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu.
 - Trường hợp cổ đông tham dự trực tuyến dừng kết nối trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu mà chưa hoàn tất việc bỏ phiếu thì nội dung bỏ phiếu nào đã được cổ đông xác nhận sẽ được hệ thống ghi nhận và được tính khi kiểm phiếu. Trường hợp cổ đông kết nối lại trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu thì cổ đông được tiếp tục, bỏ phiếu cho các vấn đề chưa được bỏ phiếu.

11. Thời gian bỏ phiếu điện tử

- a. Thời gian bỏ phiếu điện tử thực hiện theo thông báo của Chủ tọa Đại hội hoặc theo tài liệu hướng dẫn của Đại hội.
- b. Cổ đông truy cập Hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu trong thời gian được quy định. Trường hợp cổ đông gặp khó khăn trong việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.
- c. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, Hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu từ cổ đông và cổ đông không được quyền thay đổi nội dung đã bỏ phiếu. Kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

12. Cách thức kiểm phiếu

- a. Nguyên tắc kiểm phiếu biểu quyết: Khi cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc phân tách số phiếu Tán thành, số phiếu Không tán thành và số phiếu Không có ý kiến.
- b. Nguyên tắc kiểm phiếu bầu cử: Khi cổ đông bỏ phiếu điện tử, số phiếu bầu được ghi nhận trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo số phiếu bầu mà cổ đông đã thực hiện.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Mục 12 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và kết quả kiểm phiếu đối với từng vấn đề theo nội dung chương trình ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu được Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

14. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Chuẩn bị và sử dụng thiết bị phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của ĐHĐCĐ trực tuyến, thực hiện bỏ phiếu điện tử khi tham dự họp trực tuyến.
- b. Bảo mật thông tin đăng nhập và các yếu tố định danh khác để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự Đại hội trực tuyến, quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử được xem là quyết định cuối cùng của cổ đông và cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước OCB về kết quả bỏ phiếu đã được thực hiện của cổ đông trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- c. Thông báo ngay cho OCB để kịp thời xử lý khi phát hiện thông tin đăng nhập và các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông phải chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm OCB nhận được thông báo của cổ đông.
- d. Đăng ký thông tin số CMND/CCCD/Hộ chiếu, số đăng ký thành lập/hoạt động/đăng ký doanh nghiệp, số điện thoại di động, địa chỉ thư điện tử chính xác và phản hồi kịp thời cho OCB để Ban tổ chức gửi thư mời họp và tài liệu hướng dẫn tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.
- e. Thực hiện theo các tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi thực hiện bỏ phiếu điện tử.

- f. Đồng ý để OCB cung cấp các dữ liệu thông tin của cổ đông cho Bên thứ ba có liên quan khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ việc tổ chức Đại hội trực tuyến và triển khai thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu điện tử.

15. Sự kiện bất khả kháng

- a. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra tại địa điểm Chủ tọa tham dự họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, sự cố an ninh trật tự, sự cố y tế, yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc sự kiện khác xảy ra một cách khách quan mà OCB không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép.
- b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục trong thời gian 60 phút để Đại hội trực tuyến có thể tiếp tục diễn ra, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, những vấn đề đã được bỏ phiếu và hệ thống đã ghi nhận trước khi tạm dừng sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

16. Điều khoản khác

Các nội dung không đề cập trong Phụ lục này thực hiện theo quy định tại Điều lệ OCB và quy định pháp luật có liên quan.

PHỤ LỤC 02
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phụ lục này quy định về việc:

- i. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
- ii. Thực hiện việc biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp và/hoặc bằng phương thức điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Phụ lục này được áp dụng đối với cổ đông, người được ủy quyền dự họp.

2. Phương thức triển khai

- a. Cổ đông dự họp có thể lựa chọn tham gia họp trực tiếp tại địa điểm thông báo mời họp hoặc tham dự họp thông qua phương tiện công nghệ thông tin hiện đại để thực hiện quyền dự họp, biểu quyết và các quyền khác của cổ đông.
- b. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Quy chế này. Thông báo mời họp cung cấp thông tin đăng nhập nếu cổ đông tham dự họp theo hình thức trực tuyến, trừ trường hợp OCB quyết định cung cấp thông tin đăng nhập bằng hình thức khác.
- c. Cách thức đăng ký tham gia, cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu và các nội dung liên quan khác sẽ được quy định tại Thẻ lệ tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến.



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
V/v Quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông

Để công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) được thực hiện kịp thời, thuận lợi và hiệu quả, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHCĐ sau đây:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của OCB.
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của OCB.
- Quyết định việc thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy phép hoạt động của OCB theo mẫu Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước, quyết định việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, sửa đổi các giấy phép, Điều lệ và các nội dung khác theo địa điểm đặt trụ sở chính mới.
- Xem xét, quyết định việc thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; ban hành quy chế tài chính, các quy chế, quy định thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
- Quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại OCB nhưng không được vượt quá 30% vốn điều lệ của OCB hoặc một tỷ lệ tối đa khác theo quy định pháp luật và sửa đổi Điều lệ OCB về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại OCB.
- Quyết định các vấn đề liên quan đến việc mua bán cổ phiếu quỹ (bao gồm nhưng không giới hạn ban hành, quyết định, chỉnh sửa các phương án sử dụng vốn cần thiết).
- Phê duyệt các trường hợp xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng theo quy định pháp luật.

Việc ủy quyền trên đây có giá trị thực hiện đến phiên họp ĐHCĐ thường niên kỳ tới.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VP.HĐQT *h*



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *h*

TRỊNH VĂN TUẤN



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

Ngày 15 tháng 04 năm 2024

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; và
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông.

I. CÁC VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 15/04/2024

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/04/2024 của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) sẽ thông qua các báo cáo và tờ trình của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát OCB (BKS), bao gồm các vấn đề sau:

1. Báo cáo của Hội đồng Quản Trị (HĐQT)
2. Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS)
3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023, Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023.
4. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024.
5. Tờ trình về việc phê duyệt tổng mức Ngân sách, thù lao, phụ cấp chuyên trách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2024.
6. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.
7. Tờ trình sửa đổi bổ sung điều lệ OCB.
8. Tờ trình sửa đổi các quy chế thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
9. Tờ trình về việc quyết định một số vấn đề khác thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ.

II. THẺ LỆ BIỂU QUYẾT:

1. Tất cả các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp tại Đại hội.



2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông/các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông đại diện trên **51%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông/các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông có mặt trực tiếp tại Đại hội chấp thuận, trừ việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ phải được số cổ đông đại diện trên **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông dự họp chấp thuận.
3. Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.
4. Thẻ lệ biểu quyết:
 - 4.1 Mỗi cổ đông và đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông tham dự Đại hội được phát 01 (một) Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết được đóng dấu treo của Ngân hàng TMCP Phương Đông. Trên thẻ có in thông tin Tên cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết.
 - 4.2 Phương thức biểu quyết: Cổ đông và các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông sẽ thực hiện quyền biểu quyết bằng phương thức biểu quyết công khai và GIỎ Thẻ biểu quyết khi thông qua các nội dung được quy định tại mục I của Thẻ lệ theo sự điều khiển của chủ tọa Đoàn.
 - 4.3 Cổ đông chọn một trong ba ý kiến biểu quyết: **"Tán thành"**, **"Không tán thành"**, hoặc **"Không có ý kiến"**. Danh sách các Cổ đông/ các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" đối với mỗi vấn đề biểu quyết, có đầy đủ chữ ký của các cổ đông sẽ được lập và lưu trữ theo quy định tại OCB.

OCB sẽ không lấy chữ ký của các Cổ đông/ các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông "Tán thành" đối với các vấn đề biểu quyết được nêu tại mục I thẻ lệ này.
5. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết từng vấn đề biểu quyết trong Đại hội được báo cáo ngay sau khi biểu quyết.
6. Trong trường hợp cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.
7. Thẻ lệ biểu quyết được công bố công khai tại cuộc họp để được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
8. Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông/ các đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông tham dự có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc sự điều hành của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và thẻ lệ này.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *th*

CHỦ TỊCH

[Signature]
TRỊNH VĂN TUẤN

